

Số: 96 /BVTT- KHTH
V/v: Cung cấp báo giá dịch vụ
tư vấn đấu thầu

Thạch Thắt, ngày 19 tháng 01 năm 2026

Kính gửi: Các đơn vị tư vấn đấu thầu

Căn cứ Luật 90/2025/QH15 ngày 25/6/2025; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế

Căn cứ Nghị định Số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/3/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021

Căn cứ Thông tư 16/2019/TT- BXD ngày 26/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc hướng dẫn xác định chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 5799/QĐ-UBND ngày 25/9/2013 của UBND Thành phố Hà Nội quy định phân cấp thẩm quyền trong đấu thầu mua sắm tài sản nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp thuộc phạm vi quản lý của Thành phố Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 2656/QĐ-SYT ngày 10/12/2025 của Sở Y tế Hà Nội về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán thu, chi ngân sách năm 2026 ngành Y tế Hà Nội;

Căn cứ dự toán thu chi ngân sách của Bệnh viện đa khoa Thạch Thắt

Căn cứ Quyết định số 87/QĐ- BVTT ngày 16 tháng 01 năm 2026 của Giám đốc Bệnh viện đa khoa Thạch Thắt về việc phê duyệt Danh mục, số lượng, cấu hình, thông số, tính năng kỹ thuật thuộc Dự toán : Mua sắm Thiết bị, vật tư, hóa chất phục vụ công tác chuyên môn năm 2026 của Bệnh viện đa khoa Thạch Thắt. ”

Để có cơ sở lựa chọn đơn vị tư vấn phục vụ công tác đấu thầu Dự toán : Mua sắm Thiết bị, vật tư, hóa chất phục vụ công tác chuyên môn năm 2026 của Bệnh



viện đa khoa Thạch Thất.” với tổng mức kinh phí dự kiến từ 12.2 tỷ đến 12.3 tỷ đồng, đề nghị Công ty cung cấp Báo giá và Hồ sơ năng lực, kinh nghiệm thực hiện dịch vụ tư vấn đấu thầu (Danh mục chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

1. Yêu cầu đối với văn bản báo giá:

- Báo giá do Công ty chuẩn bị có chữ ký của người đại diện hợp pháp của Công ty. Trường hợp ủy quyền, Công ty gửi kèm theo các tài liệu, giấy tờ để chứng minh tư cách hợp lệ của người được ủy quyền.

- Chi phí giá nêu trong Báo giá của Công ty là mức giá đã bao gồm toàn bộ các loại thuế, phí, lệ phí cần thiết để thực hiện công việc: Tư vấn lập E- HSMT và đánh giá E- HSĐT, Thẩm định E-HSMT và thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu;

2. Hồ sơ năng lực, kinh nghiệm đề nghị Công ty cung cấp:

+ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

+ Danh sách các chuyên gia đủ điều kiện về tư vấn đấu thầu

Các tài liệu do Công ty báo giá cung cấp là bản chụp có đóng dấu xác nhận của Công ty, đồng thời phải chuẩn bị sẵn sàng các tài liệu gốc để phục vụ việc xác minh khi có đề nghị của Bệnh viện đa khoa Thạch Thất.

3. Hồ sơ, thời gian, địa điểm nhận Báo giá và tài liệu:

- Hồ sơ: 01 bộ, bao gồm văn bản báo giá kèm theo tài liệu chứng minh năng lực, kinh nghiệm.

- Thời điểm nộp Báo giá và tài liệu: **trước 16 giờ 30 phút, ngày 02/02/2026**

- Hình thức nhận Báo giá và tài liệu: Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện

- Địa điểm nhận Báo giá và tài liệu: Phòng Kế hoạch tổng hợp và Vật tư thiết bị y tế (Địa chỉ: Bệnh viện đa khoa Thạch Thất, Số 67 đường 420 xã Thạch Thất – Hà Nội; Điện thoại: (024.33.864886)

Bệnh viện đa khoa Thạch Thất đề nghị các Công ty quan tâm phối hợp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c GD SYT (để b/cáo);
- Lưu: VT, KHTH.

BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN THẠCH THẤT



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Thúy Hằng

PHỤ LỤC
(Kèm theo Công văn số 96/BVTT- KHTH ngày 19/01/2026)

STT	STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu tính năng, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		Phần I: Vật tư y tế, hoá chất thông thường			
1	1	Bơm tiêm 50ml	Xy lanh dung tích 50ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt - Pit tông có khía bẻ gãy dễ hủy, không có ba vĩa. - Đốc xy lanh nhỏ, gắn chắc chắn với tất cả các cỡ kim, an toàn khi sử dụng. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	5.000
2	2	Bơm cho ăn 50ml	Xy lanh dung tích ≥ 50 ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt - Bơm có thiết kế có vòng ngón tay cầm giúp cầm chắc chắn, thân xy lanh có vạch chia dung tích rõ nét - Đốc xy lanh to lắp vừa dây cho ăn và có nắp đậy. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). - Đạt tiêu chuẩn CE, ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	5.000
3	3	Bơm tiêm 20ml	Xy lanh dung tích 20ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt - Pit tông có khía bẻ gãy dễ hủy, không có ba vĩa. - Bề mặt gioăng phẳng giúp bơm hết hành trình của thuốc. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim cỡ 23Gx1" - Bao bì có miếng giấy thoát khí để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	100.000
4	4	Bơm tiêm 10 ml	Xy lanh dung tích 10ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt - Pit tông có khía bẻ gãy dễ hủy, không có ba vĩa. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 23Gx1", 25Gx1" - Bao bì có miếng giấy thoát khí để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	250.000
5	5	Bơm tiêm 5 ml	Xy lanh dung tích 5ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt - Pit tông có khía bẻ gãy dễ hủy, không có ba vĩa. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 23Gx1", 25Gx1" - Bao bì có miếng giấy thoát khí để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn CE, ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	300.000
6	6	Bơm 3ml	Xy lanh dung tích 3ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt - Pit tông có khía bẻ gãy dễ hủy, không có ba vĩa. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ. - Bao bì ghi rõ thông tin xuất xứ, hạn dùng. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O).	Cái	2.000
7	7	Bơm tiêm 1 ml	Xy lanh dung tích 1ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt - Gioăng có núm bơm hết hành trình giúp tiêm hết thuốc, đạt khoảng chết ≤ 0.03 ml, khí và dung dịch tiêm không lọt qua được gioăng. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	12.000
8	8	Bơm tiêm Insulin 1 ml	Bơm tiêm dung tích 1ml dùng để tiêm insulin, có nắp chụp bảo vệ đầu kim và nắp chụp pit tông để ngăn dị vật vào lòng bơm khi sử dụng. - Bơm tiêm có 2 loại phù hợp với 2 loại thuốc 40UI và 100UI. - Đầu kim có vát 3 cạnh giúp tiêm sắc nhọn, không có gờ. Thân kim làm bằng thép không gỉ - Kim được đúc liền với vỏ xy lanh, không thể tháo rời - Kim tiêm bao gồm các cỡ: 31Gx6mm - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương - Xuất xứ: G7	Cái	30.000
9	9	Bơm tiêm lấy máu 1 ml - trắng heparin	Bơm tiêm 1ml có trắng Heparin	Cái	5.000
10	10	Kim châm cứu số 0,25 x 25mm	Vi nhôm, thân kim sử dụng thép chuyên dụng.	Cái	300.000
11	11	Kim châm cứu số 0,3 x 40mm	Vi nhôm, thân kim sử dụng thép chuyên dụng.	Cái	300.000
12	12	Kim châm cứu số 0,3 x 75 mm	Vi nhôm, thân kim sử dụng thép chuyên dụng.	Cái	100.000
13	13	Kim châm cứu số 0,3 x 33 mm	Vi nhôm, thân kim sử dụng thép chuyên dụng.	Cái	2.000
14	14	Kim truyền tĩnh mạch	Khử trùng bằng khí E.O, vô trùng, không độc, không gây sốt. Chất liệu làm thân kim bằng thép không gỉ độ cứng cơ khí và không bị oxy hóa. Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	30.000
15	15	Kim lấy thuốc	Kim sắc. Có nắp đậy kim. Tiệt trùng bằng khí EO. Không gây sốt, không độc tố. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	300.000
16	16	Kim trích máu	Chất liệu bằng thép không gỉ. Đầu kim sắc nhọn.	Cái	50.000

STT	STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu tính năng, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
17	17	Kim tuần tĩnh mạch an toàn có cánh, có cửa số 18,20,22	- Có đầu bảo vệ bằng kim loại dạng lò xo gồm 2 cánh tay đòn bắt chéo nhau - Đầu kim 3 mặt vát (1 mặt vát trên và 2 mặt vát dưới tạo độ bền tối đa và vết kim đâm mau lành) - Catheter nhựa Có 4 đường cân quang ngầm. vật liệu FEP-Teflon. - Màng kỵ nước chống máu tràn ra khi thiết lập đường truyền - Cơ chế trào máu 2 lần giúp xác nhận lấy ven - Kim tuần có cánh, có cửa. - G22: Tốc độ chảy tối thiểu 36ml/phút, 2160 ml/giờ. Đường kính và độ dài catheter: 0.9mm x 25mm. Thể tích mỗi: ≤ 0,101 ml - G20: Tốc độ chảy tối thiểu 61ml/phút, 3660 ml/giờ. Đường kính và độ dài catheter: 1.1mm x 33mm. Thể tích mỗi: ≤ 0,100 ml - G18: Tốc độ chảy tối thiểu 96ml/phút, 5760 ml/giờ. Đường kính và độ dài catheter: 1.3mm x 45mm. Thể tích mỗi: ≤ 0,100 ml - Khoảng cách từ đầu mặt vát kim sắt đến đầu catheter <1mm đảm bảo lực tác động, giảm đau - Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485:2016 hoặc tương đương - Chứng nhận CE MDR hoặc tương đương - Xuất xứ: G7	Cái	7.000
18	18	Kim tuần tĩnh mạch an toàn có cánh, không cửa số 24	- Catheter nhựa Có 4 đường cân quang ngầm. vật liệu FEP-Teflon. - Kim tuần có cánh, không cửa, tốc độ chảy tối thiểu 22ml/phút, 1320 ml/giờ - Đường kính và độ dài catheter: 0.7mm x 19mm - Thể tích mỗi: ≤ 0,084 ml - Khoảng cách từ đầu mặt vát kim sắt đến đầu catheter <1mm đảm bảo lực tác động, giảm đau, tránh tắc, gây gấp đầu catheter - Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485:2016 hoặc tương đương	Cái	9.000
19	19	Kim tuần tĩnh mạch an toàn có cánh, có cửa tiêm thuốc số 24	Kim tuần an toàn có cánh có cổng tiêm thuốc. Kim thép không rỉ. Ống thông chất liệu FEP hoặc tương đương, gắn 3 đường cân quang ngầm. Đầu bảo vệ bằng kim loại, dạng lò xo gồm 2 cánh tay đòn bắt chéo nhau. Ø x L/ Lưu lượng dòng chảy tối thiểu qua ống thông 0,7 mm x 19 mm x 23 ml/ phút	Cái	6.000
20	20	Kim tuần tĩnh mạch an toàn các số 20	Kim tuần an toàn có cánh có cổng tiêm thuốc. Kim thép không rỉ. Ống thông chất liệu FEP hoặc tương đương, gắn 3 đường cân quang ngầm. Đầu bảo vệ bằng kim loại, dạng lò xo gồm 2 cánh tay đòn bắt chéo nhau. Ø x L/ Lưu lượng dòng chảy qua ống thông tối thiểu 1.1 x 32 mm/ 60 ml/ phút, Đạt tiêu chuẩn , ISO 13485 hoặc tương đương Xuất xứ: Đồng Nam Á	Cái	5.000
21	21	Kim tuần tĩnh mạch an toàn các số 22	Kim tuần an toàn có cánh có cổng tiêm thuốc. Kim thép không rỉ. Ống thông chất liệu FEP hoặc tương đương, gắn 3 đường cân quang ngầm. Đầu bảo vệ bằng kim loại, dạng lò xo gồm 2 cánh tay đòn bắt chéo nhau. Ø x L/ Lưu lượng dòng chảy qua ống thông tối thiểu 0.9 x 25 mm/ 36 ml/ phút, Đạt tiêu chuẩn , ISO 13485 hoặc tương đương Xuất xứ: Đồng Nam Á	Cái	5.000
22	22	Kim tuần tĩnh mạch có cánh có cổng các cỡ (14, 16, 17, 18, 20, 22, 24 G)	Kim thép không rỉ, không bị ăn mòn và rò rỉ chất độc hại. Ống thông chất liệu Polyurethane hoặc tương đương, gắn 3 đường cân quang ngầm, lưu kim đến 72h. Ø x L/ Lưu lượng dòng chảy qua ống thông tối thiểu Size 14G: 1.9 x 42 mm/ 265 ml/phút, Size 16G: 1.6 x 42 mm/ 170 ml/phút, Size 17G: 1.4 x 42 mm/ 135 ml/phút, Size 18G: 1.2 x 40 mm/ 100 ml/ phút, Size 20G: 1.0 x 32 mm/ 60 ml/ phút, Size 22G: 0.8 x 25 mm/ 30 ml/ phút, Size 24G: 0.7 x 19 mm/ 18 ml/phút. Buồng chặn máu chất liệu Polypropylen có màng lọc PTFE kháng khuẩn, chống tràn, tăng tốc độ xuất hiện tín hiệu máu vào buồng quan sát. Cổng bơm thuốc tích hợp van với cơ chế đóng mở dựa trên áp lực chất lỏng bơm vào. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	25.000
23	23	Catheter tĩnh mạch trung tâm 2 nòng	Bộ kit đầy đủ: + 2 bơm tiêm 5ml + Catheter 2 nòng: • Cỡ 7F, G14/G18 dài 15cm hoặc 20cm • Chất liệu polyurethane có cân quang, có marker định vị + Dây dẫn guide wire có khả năng dò điện cực để đo ECG + Cây nong + Kim dẫn đường thẳng	Bộ	500

STT	STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu tính năng, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
24	24	Bộ chứa dịch giảm đau dùng một lần	Bộ chứa dịch giảm đau dùng một lần bao gồm 01 Hộp nhựa có màu (tránh thuốc tiếp xúc trực tiếp với ánh sáng) đựng túi chứa dịch trong suốt có ống nhựa đàn hồi và dây truyền ngăn nổi tới đầu nối Luer kết dính bằng cyclohexanone. Chất liệu: Chất hóa dẻo trong túi thuốc và ống nhựa đàn hồi: totm, trong dây truyền: dinch; có vách ngăn. - Cung cấp tối thiểu các cỡ có các dung tích: 50ml, 100ml, 150ml, 200ml, 300ml. - Cơ chế chống rò rỉ dịch: 01 Miếng chèn kẹp, 01 kẹp, lò xo nén kẹp chống rò rỉ dịch. - 01 Khóa đóng mở dòng chảy - 01 Dây truyền dịch loại dài chiều dài $\geq 100\text{cm}$, có bộ phận lọc không khí, van chống chảy ngược. Tương thích với bơm truyền dịch có thể truyền ít nhất 100 giờ với tốc độ $\geq 2\text{ml/h}$, sử dụng pin dùng một lần, độ chính xác $\leq 6\%$, có các phím bấm bằng cơ học để điều chỉnh các thông số truyền dịch dễ dàng, chính xác. Áp suất truyền tối đa tạo ra $\leq 180\text{kpa}$. Có chức năng phát hiện không khí với các kích thước: Mức cao: $\leq 50\mu\text{L}$, mức trung bình: $\leq 100\mu\text{L}$, mức thấp: $\leq 200\mu\text{L}$. Có sẵn các giao thức lựa chọn chế độ truyền riêng biệt, ít nhất bao gồm: PCA, truyền tự động ngắt quãng, truyền theo thời gian. - Đạt tiêu chuẩn CE hoặc tương đương.	Cái	300
25	25	Troca dẫn lưu màng phổi	Ống thông màng phổi kèm theo nòng Troca, đã tiệt trùng. Chất liệu PVC không có DEHP.	Cái	50
26	26	Bộ dây truyền dịch	Van khóa điều chỉnh, kim chai sản xuất từ hạt nhựa ABS nguyên sinh; Van thoát khí có thiết kế màng lọc khí vô khuẩn; Buồng nhỏ giọt có màng lọc dịch, thể tích $\geq 8.5\text{ml}$. Có bầu cao su tiếp thuốc. Dây dẫn cấu tạo từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm dẻo, dai, độ đàn hồi cao, không gây gấp khi bảo quản và sử dụng; Độ dài dây dẫn $\geq 1800\text{mm}$. Dây truyền dịch kèm kim thường 23Gx1". Đầu nối Luer lock có cơ chế xoay giúp cho việc gắn kết với kim luồn chắc chắn và dễ thao tác khi sử dụng.	Bộ	100.000
27	27	Dây truyền dịch an toàn	Chất liệu PVC không có DEHP, thay bằng DEHT/DOTP an toàn (có giấy chứng nhận kết quả thử nghiệm). Dài $\geq 180\text{cm}$. - Có test chịu được áp lực $\geq 3\text{ bar}$, không chứa chất gây sốt, gây tan huyết - Màng lọc dịch $15\mu\text{m}$ tại bầu dịch. Thể tích bầu $\geq 8.5\text{ ml}$ - Màng lọc có chức năng lọc vi khuẩn $0,2\text{ }\mu\text{m}$ tại van thông khí. - Đầu khóa vận xoắn Luer lock. - Cổng tiêm thuốc chữ Y an toàn. Bộ điều chỉnh lưu lượng có móc cầm an toàn sau khi sử dụng. - Sử dụng được cho máy truyền dịch - Đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương	Bộ	10.000
28	28	Dây truyền dịch có bộ điều chỉnh giọt chính xác	Chất liệu PVC không có DEHP, thay bằng DEHT/DOTP an toàn (có giấy chứng nhận kết quả thử nghiệm). Dài $\geq 180\text{cm}$. - Màng lọc dịch $15\mu\text{m}$ tại bầu dịch. Thể tích bầu $\geq 8.5\text{ ml}$ - Màng lọc có chức năng lọc vi khuẩn $0,2\text{ }\mu\text{m}$ tại van thông khí. - Đầu khóa vận xoắn Luer lock. - Ngắt dịch dễ dàng khi cần bằng khóa khẩn cấp (kẹp chặn). - Bộ điều chỉnh lưu lượng truyền dịch chính xác ($0\text{-}300\text{ ml/h}$) - Cổng tiêm thuốc chữ Y an toàn. - Đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương	cái	5.000
29	29	Dây nối bơm tiêm điện có kẹp chặn	Chất liệu PVC không có DEHP, thay bằng DEHT/DOTP an toàn (có giấy chứng nhận kết quả thử nghiệm) có kẹp chặn. - Đầu nối Luer - Chịu được áp lực $\geq 12\text{ bar}$. (Có test kiểm định) - Dây dài 75cm - 150 cm - Đường kính trong: 0.9 mm. Đường kính ngoài: 1.9mm - Thể tích mỗi dịch $\leq 0.48\text{ ml}$"	Bộ	4.000
30	30	Bộ dây truyền máu	Van khóa điều chỉnh, kim chai sản xuất từ hạt nhựa ABS nguyên sinh; Van thoát khí có thiết kế màng lọc khí vô khuẩn; Buồng nhỏ giọt có màng lọc dịch. Dây dẫn cấu tạo từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm dẻo, dai, độ đàn hồi cao, không gây gấp khi bảo quản và sử dụng; Đầu nối Luer lock có cơ chế xoay giúp cho việc gắn kết với kim luồn chắc chắn và dễ thao tác khi sử dụng. Dây dài $\geq 1800\text{mm}$ làm từ chất liệu PVC y tế, không gây sốt, không độc hại, tiệt trùng bằng khí EO. Kim cỡ 18Gx1 1/2'. Màng lọc ở bầu có kích thước lỗ lọc $200\mu\text{m}$, tốc độ dòng chảy tối thiểu 20 giọt/ml Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Bộ	1.000
31	31	Dây hút dịch các cỡ	Các số 5-6-8-10-12-14-16-18. Sản phẩm được kết cấu 02 phần. Khóa van và dây dẫn. Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh không chứa DEHP, nhựa trong, nhẵn bóng tránh gây tổn thương, xây xước niêm mạc, đầu dây hút có 2 mắt phụ để hút. Khóa van chia nhiều màu để phân biệt giữa các số, có 2 loại có nắp và không nắp. Đạt tiêu chuẩn CE, ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	10.000
32	32	Dây ga rô	Chất liệu thun cotton dài $\geq 25\text{ cm}$, rộng $\geq 2,5\text{cm}$ có khóa và dính băng dính 2 đầu	cái	900
33	33	Dây oxy	Chất liệu PVC không có DEHP, thay bằng DEHT/DOTP an toàn (có giấy chứng nhận kết quả thử nghiệm) Dài $\geq 2\text{m}$. Cấu trúc "hình sao" . Tiệt trùng: Ethylene Oxide. ISO 13485 hoặc tương đương	Bộ	5.000

STT	STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu tính năng, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
34	34	Dây hút dịch phẫu thuật	Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh. Đường kính ngoài ống: $\geq 9,9\text{mm}$ Đường kính trong ống: $\geq 6,3\text{mm}$; Chiều dài ống $\geq 2\text{m}$, có hai đầu nối giúp kết nối chặt chẽ vào thiết bị. Bề ngoài thân ống dây dẫn có rãnh chống bẹp, dẻo dai và độ đàn hồi cao, chịu được áp lực âm cao $\geq (-75\text{kpa})$ không bị bóp méo Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Bộ	1.000
35	35	Ống thông đường thở	Ống thông đường thở được làm từ nhựa cứng PE, không có độc tố, và không gây kích ứng. Có các cỡ từ 60mm đến 110mm. Đầu canuyn có màu sắc khác nhau giúp phân biệt các cỡ. Được tiệt trùng bằng khí ETO phù hợp với tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	Cái	800
36	36	Ca-nuyn mở khí quản các loại các cỡ 1 nòng	Được làm từ nhựa cứng PE (Polyethylene) dùng trong y tế - Kích thước được xác định trên đầu mặt bích, Có các cỡ từ 5-8 Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Chiếc	80
37	37	Ca-nuyn mở khí quản các loại các cỡ 2 nòng	Có ống thông bên trong có thể tái sử dụng và các đầu nối khóa xoắn. Có 3 nòng riêng biệt, 1 nắp dây và 1 dây giữ di kèm, không bóng có cửa sổ. * Có 1 lỗ cửa sổ trên thân ống Các Số 4 (OD = 9.4mm; ID = 5.0mm, độ dài ống 65mm), Số 6 (OD = 10.8mm, ID = 6.4mm, độ dài ống 76mm), Số 8 (OD = 12.2mm, ID=7.6mm, độ dài ống 81mm); Lưu ≥ 29 ngày,	Chiếc	70
38	38	Ống thông tiêu đầu quá khế	Được làm từ mù cao su tự nhiên, bao gồm ống thông, phễu thoát nước, phễu thổi, phễu rửa, bóng và van. Kích thước từ 12 Fr đến 40 Fr. Chiều dài ống: 400 ± 10 mm. Tốc độ dòng chảy ≥ 100 ml/phút với các số từ 16Fr. Sử dụng một lần, tiệt trùng bằng khí EO. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	10
39	39	Ống thông đường mật chữ T	Làm bằng cao su tự nhiên, mạ Silicon. Được sử dụng để thông túi mật. Bộ phận kết nối có đường kính lớn hơn các bộ phận khác. Kích cỡ: Fr10-Fr26. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	sợi	10
40	40	Mặt nạ thở Oxy không túi các cỡ	- Mặt nạ được sản xuất từ nhựa PVC nguyên sinh không chứa độc tố, màu trắng trong, không có chất tạo màu. - Dây dẫn có chiều dài $\geq 2,1\text{m}$, lòng ống có khóa chống gấp được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, màu trắng trong. Dây dẫn có khóa đảm bảo khí oxy luôn được tuần hoàn. - Thanh nhôm mềm dẻo đảm bảo giữ kín khít mặt nạ và mũi bệnh nhân. - Dây chun cố định bộ mặt nạ và đầu bệnh nhân có độ đàn hồi cao. - Các cỡ: S, M, L, XL. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O) - Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485 hoặc tương đương	Bộ	1.000
41	41	Mặt nạ xông khí dung khí dung các cỡ	- Mặt nạ được sản xuất từ nhựa PVC nguyên sinh, màu trắng trong, không có chất tạo màu. Có bộ khí dung. - Dây dẫn có chiều dài $\geq 2,1\text{m}$, lòng ống có khóa chống gấp được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, màu trắng trong. Dây dẫn có khóa đảm bảo khí oxy luôn được tuần hoàn. - Thanh nhôm mềm dẻo đảm bảo giữ kín khít mặt nạ và mũi bệnh nhân. - Dây chun cố định bộ mặt nạ và đầu bệnh nhân có độ đàn hồi cao. - Các cỡ: S, M, L, XL. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O) - Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485 hoặc tương đương	Bộ	2.000
42	42	Mask thanh quản 1 nòng dùng nhiều lần	- Không cần giãn cơ. - Giảm thiểu độ phức tạp trong quá trình phẫu thuật. - Chất liệu Silicon có độ tương thích sinh học tốt và bảo vệ đường thở. Size: từ 1 đến 5	Cái	10
43	43	Mask thở CPAP BOUSSIGNAC	Được thiết kế để bao phủ cả miệng và mũi, chất liệu silicon, dùng nhiều lần - Thông khí kép phân tán khí - Lớp đệm kép được làm bằng chất liệu cao cấp - Có van chống ngạt đảm bảo an toàn khi các luồng khí ngưng hoặc bị chặn - Ống khuỷu xoay đa chiều cung cấp vị trí ống linh hoạt. - Đóng gói tiệt trùng từng cái, - Đạt tiêu chuẩn CE, ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	4
44	44	Khóa 3 ngã	Van 3 cánh, làm bằng nhựa Polyethylene (PE) xoay 360 độ, có mũi tên chỉ hướng dòng chảy - Thân khóa chất liệu Polycarbonate, có thể sử dụng cho dung dịch có lipid - Có test chịu được áp lực ≥ 5 bar, không chứa chất gây sốt, gây tan huyết - Thể tích mỗi dịch $\leq 0,1\text{ml}$ - Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	2.700
45	45	Khóa 3 ngã có dây nối có kẹp chặn	Dây nối không có chất phụ gia DEHP, thay thế bằng DEHT an toàn - Dây nối dài 10cm - 25cm có kẹp chặn - Van 3 cánh, làm bằng nhựa Polyethylene (PE) xoay 360 độ, có mũi tên chỉ hướng dòng chảy - Thân khóa chất liệu Polycarbonate, có thể sử dụng cho dung dịch có lipid - Có test chịu được áp lực ≥ 2 bar, không chứa chất gây sốt, gây tan huyết - Thể tích mỗi dịch $\leq 1,7\text{ml}$	Cái	2.500

STT	STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu tính năng, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
46	46	Giấy in nhiệt	Kích thước: 57mmx30mm	Cuộn	250
47	47	Giấy in ảnh siêu âm	Giấy in kết quả siêu âm đen trắng kích thước: 110mm x ≥ 20m	Cuộn	150
48	48	Giấy điện tim 6 cân tập tương thích với máy điện tim Nihonkoden	Kích thước 110mm x140mm x ≥143sheets Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Tập	960
49	49	Ông thổi chức năng hô hấp tương thích máy Chest- HI 801	Ông giấy đo chức năng hô hấp đường kính ngoài 26 mm dài 66mm chất liệu giấy cuộn. tương thích với máy Chest- HI801. Đạt tiêu chuẩn ISO	Chiếc	2.400
50	50	Giấy in đo chức năng hô hấp tương thích máy Chest- HI 801	Giấy in nhiệt đo chức năng hô hấp khổ 112mm x25m, tương thích với máy Chest- HI801	Cuộn	360
51	51	Sensor máy đo chức năng hô hấp tương thích máy Chest- HI 801	Miếng Sensor cho máy đo chức năng hô hấp Chest HI801 kiểu dáng hình tròn. Cảm biến tốc độ lưu khí qua ± 0.5 đến ± 14l/s.	Chiếc	250
52	52	Phin lọc khí đo chức năng hô hấp tương thích máy Chest - HI	Được làm bằng nhựa PP y tế, có vỏ nhựa polystyrene, màng lọc bằng technostat modocrylic polypropylene - Kích thước: Đường kính trong 29.5mm, đường kính ngoài 33.5mm. - Hiệu quả: Thê tích bên trong lọc 50ml, hiệu suất lọc ≥ 99.9% - Tiệt trùng bằng ETO. Sử dụng 1 lần. - Không có mù cao su (Latex free) - Khoảng chết thấp: ≤53ml	Chiếc	300
53	53	Vòng định danh người bệnh	Vòng đeo tay bệnh nhân • Kích thước: 32 x 254 mm và 25 x 206 mm • Chất liệu: nano-silicone • Màu sắc: xanh, hồng, đỏ, vàng, trắng Tương thích với máy in Brother	Cái	20.000
54	54	Phim X Quang kích thước 20*25 cm	Phim X-quang laser kích thước 20*25 cm tương thích với máy in phim laser Drypix. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Tờ	20.000
55	55	Phim răng cận chóp kích thước 30.5mm x 40.5mm	Phim chụp X quang kích thước 30.5mm x 40.5mm, có đính kèm túi thuốc rửa phim trên mỗi phim. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Tờ	2.000
56	56	Nẹp cổ cứng	Làm từ chất liệu mút mật độ cao EVA và Có khóa Velcro, thiết kế gồm 2 mảnh riêng biệt.	Cái	100
57	57	Băng dính 38mm x 72 mm	Sợi vải đàn hồi: Viscose và polyamide phủ keo oxid kẽm, có miếng gạc thấm hút, có phủ lớp chống dính polyethylene. Kích thước: ≥ 38mm x 72 mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Miếng	3.200
58	58	Băng cuộn 10cm x 2,5m	Kích thước: ≥10cm x 2,5 m Sân phẩm được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao, không có độc tố. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. - Đạt tiêu chuẩn ISO 9001; ISO 13485 hoặc tương đương	Cuộn	4.200
59	59	Băng cuộn 7cm x 2,5m	Kích thước: ≥ 7cm x 2.5m Sân phẩm được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao, không có độc tố. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. - Đạt tiêu chuẩn ISO 9001; ISO 13485 hoặc tương đương	Cuộn	4.400
60	60	Băng cố định kim luồn	Băng dán có gạc, cố định kim luồn, Kích thước ≥ 60x70 mm. Chất liệu: vải sợi polyester không đan dệt, có lỗ thoáng khí, co giãn tốt. Thiết kế xẻ rãnh giúp cố định kim luồn. Keo Acrylic bám dính tốt, ít dị ứng. Gạc thấm hút mạnh, có phủ lớp lưới Polyethylene hoặc tương đương chống bám dính vết thương. Kích thước gạc: 20x23 mm. Đóng gói riêng từng miếng trong túi vô trùng (mặt giấy, mặt plastic). Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Miếng	20.000
61	61	Băng cố định kim luồn trong suốt	Băng dán có gạc, cố định kim luồn, trong suốt không thấm nước. Kích thước ≥ 60x80 mm. Gạc thấm hút mạnh, có phủ lớp lưới Polyethylene hoặc tương đương chống bám dính vết thương. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Miếng	15.000
62	62	Băng dán vô trùng vải không dệt, có gạc 250 x 90mm	Băng dính vô trùng vải không dệt, có gạc ≥ 250x90 mm. - Gạc kích thước 200x50mm thấm hút tốt với lớp phủ Polyethylene không gây dính vết thương. - Keo dán Acrylic không gây kích ứng da. (có test kiểm định) Tiệt trùng bằng Ethylene Oxide. - Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Miếng	700

STT	STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu tính năng, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
63	63	Băng dính vải 5m x 2,5 cm	Băng keo lụa Nền Taffeta trắng, 100 % sợi cellulose acetate, đan dệt 44.0 x 19.5 sợi/cm. Lớp keo Oxide kẽm không dùng dung môi. Kích thước: $\geq 5\text{m} \times 2,5\text{cm}$. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cuộn	6.000
64	64	Băng ròn trẻ sơ sinh	Gồm băng thun vòng $\geq 7 \times 1\text{cm}$: 1 Chiếc, Gạc đắp ròn $\geq 5 \times 7\text{cm} \times 12\text{lớp}$: 1 Chiếc băng sợi cotton tẩy trắng bằng oxy già, tiệt trùng, không có độc tố, không có chất gây dị ứng, không có tinh bột và Dextrin. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	1.500
65	65	Băng chun 3 móc	Băng thun được làm từ sợi cotton se tròn, kết hợp với sợi cao su thiên nhiên, kích thước $\geq 10\text{cm} \times 3\text{m}$, Màu sắc: màu trắng, màu đỏ	Cuộn	1.500
66	66	Gạc hút	Gạc được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Tốc độ hút nước ≤ 5 giây. Độ ngâm nước $\geq 5\text{gr}$ nước/1gr gạc. Chất tan trong nước $< 0.5\%$. Độ pH: trung tính. Độ trắng: $\geq 0\% \pm 10\%$. Muối kim loại: không quá hàm lượng cho phép. Hàm lượng chất béo: không vượt quá 0,5%. Kích thước: $\geq 1000\text{m} \times 80\text{cm}$.	Mét	50.000
67	67	Gạc nội soi ổ bụng kích thước $1\text{cm} \times 10\text{cm} \times 8\text{lớp}$	"Nguyên liệu: gạc hút nước 100% cotton và có độ thấm hút rất cao. Đặc tính: - Khả năng hút nước: Trung bình 1 gam gạc giữ được từ 5 gam nước trở lên; - Độ acid và độ kiềm: Đạt trung tính; - Không có tinh bột hoặc Dextrin; - Tốc độ hút nước $< 5\text{s}$ "	miếng	5.000
68	68	Gạc phẫu thuật $10\text{cm} \times 10\text{cm}$, x 6 lớp	Gạc được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút cao. Mật độ 23-16 sợi/inch. Trọng lượng 23-29 g/m. Không có độc tố, đã được giặt sạch. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Kích thước: $10\text{cm} \times 10\text{cm} \times \geq 6\text{lớp}$. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001; ISO 13485 hoặc tương đương	Miếng	7.600
69	69	Gạc phẫu thuật ổ bụng $30\text{cm} \times 40\text{cm}$, 6 lớp	Gạc được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao. Không có độc tố, đã được giặt sạch. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Tiệt trùng bằng khí EO.Gas. Kích thước: $30\text{cm} \times 40\text{cm} \times \geq 6\text{lớp}$. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Miếng	17.000
70	70	Gạc miếng $4 \times 6\text{cm}$, x 4 lớp	Gạc được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao. Không có độc tố, đã được giặt sạch. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Tiệt trùng bằng khí EO.Gas. Kích thước: $4\text{cm} \times 6\text{cm} \times \geq 4\text{lớp}$. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Miếng	2.000
71	71	Gạc dẫn lưu tiệt trùng kích thước $7,5\text{mm} \times 100\text{cm} \times 4\text{lớp}$	Chất liệu từ sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao. Không có độc tố, đã được giặt sạch. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Độ pH: trung tính. Muối kim loại: không quá hàm lượng cho phép. Tiệt trùng bằng khí EO.Gas. Kích thước $0,75\text{cm} \times 100\text{cm} \times \geq 4\text{lớp}$ vô trùng	Miếng	100
72	72	Gạc dẫn lưu tiệt trùng kích thước $15\text{mm} \times 100\text{cm} \times 4\text{lớp}$	Chất liệu từ sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao. Không có độc tố, đã được giặt sạch. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Độ pH: trung tính. Muối kim loại: không quá hàm lượng cho phép. Tiệt trùng bằng khí EO.Gas. Kích thước $1,5\text{cm} \times 100\text{cm} \times \geq 4\text{lớp}$ vô trùng	Miếng	100
73	73	Băng bó bột thạch cao kích thước $10\text{cm} \times 4,6\text{m}$	Được làm từ bột thạch cao có chất lượng tốt nhất, có độ tinh khiết cao, lớp gạc 100% cotton. Kích thước $\geq 10\text{cm} \times 4,6\text{m}$	cuộn	500
74	74	Băng bó bột thạch cao kích thước $15\text{cm} \times 4,6\text{m}$	Được làm từ bột thạch cao có chất lượng tốt nhất, có độ tinh khiết cao, lớp gạc 100% cotton. Kích thước $\geq 15\text{cm} \times 4,6\text{m}$	cuộn	300
75	75	Băng bó bột thạch cao kích thước $20\text{cm} \times 4,6\text{m}$	Được làm từ bột thạch cao có chất lượng tốt nhất, có độ tinh khiết cao, lớp gạc 100% cotton. Kích thước $\geq 20\text{cm} \times 4,6\text{m}$	cuộn	300
76	76	Bông lót bột kích thước $10\text{cm} \times 2,7\text{m}$	Bông lót bó bột cỡ $\geq 10\text{cm} \times 2,7\text{m}$ Làm từ chất liệu bông 100% Polyester không thấm nước, không gây kích ứng khi sử dụng	cuộn	300
77	77	Bông lót bột kích thước $15\text{cm} \times 2,7\text{m}$	Bông lót bó bột cỡ $\geq 15\text{cm} \times 2,7\text{m}$ Làm từ chất liệu bông 100% Polyester không thấm nước, không gây kích ứng khi sử dụng	cuộn	200
78	78	Bông hút y tế	Quy cách đóng gói: $\leq 1\text{kg}$ / cuộn Sản xuất từ 100% bông xơ thiên nhiên, không lẫn sợi nylon, được dùng trong lĩnh vực y tế. Bông mềm, mịn, không bụi, bông dạng dài được xếp thành hình trụ, để người sử dụng có thể tạo ra các miếng kích thước tùy ý. Đảm bảo vệ sinh an toàn, bông mềm, mịn, không gây kích ứng da. Tốc độ hút nước ≤ 10 giây Độ ẩm tối đa: 8,0 Chất màu: Dung dịch có màu trắng đến màu vàng nhạt.	kg	550

STT	STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu tính năng, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
79	79	Bông miếng	Thành phần nguyên liệu: + Chất liệu: Bông cotton + Màu sắc: trắng Đạt tiêu chuẩn theo quy định của nhà sản xuất, sản phẩm, không độc hại, không gây kích ứng da, thân thiện môi trường - Thông số kỹ thuật Đường kính miếng bông: 5,7cm (+- 5%) Một miếng bông có khối lượng khoảng: 0,4 - 0,6 gram (+- 1%)	Miếng	11.700
80	80	Găng tay dài khám sản	Sản xuất từ latex tự nhiên. Tiệt trùng bằng khí E.O. Kích cỡ 7.0 và 7.5	Đôi	500
81	81	Găng khám	Chất liệu cao su thiên nhiên độ căng giãn đàn hồi tốt. Size S, M, L. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Đôi	200.000
82	82	Găng tay tiệt trùng	Chất liệu cao su thiên nhiên độ căng giãn đàn hồi tốt. Sử dụng bột ngô hàm lượng được FDA phê chuẩn. Được khử trùng bằng tia Gamma or ETO. Chiều dài tối thiểu 280 mm, chiều rộng từ 72 ± 4mm đến 114 ± 6mm độ dày cổ tay tối thiểu 0,10mm và lòng bàn tay tối thiểu 0.14mm và ngón tay tối thiểu 0.17 mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Đôi	25.000
83	83	Ống chống đông Hepain các cỡ	Thân ống được làm bằng chất liệu nhựa PP kích thước 12x75mm cho dung tích tối đa 5ml, nắp nhựa màu đen. Sản phẩm được phun hóa chất chống đông Lithium Heparin dưới dạng sương bám đều trên thành trong của ống nghiệm ở một nồng độ tiêu chuẩn đủ để chống đông cho máu trong khoảng từ 6-8 giờ ở điều kiện nhiệt độ phòng hoặc 24-36 giờ ở nhiệt độ 2-8 độ. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Ống	90.000
84	84	Ống nghiệm nhựa EDTA nắp nhựa	Thân ống được làm bằng chất liệu nhựa PP kích thước 12x75mm cho dung tích tối đa 5ml, nắp nhựa màu xanh dương. Sản phẩm được phun hóa chất chống đông K2 dưới dạng sương bám đều trên thành trong của ống nghiệm ở một nồng độ tiêu chuẩn đủ để chống đông cho máu trong khoảng từ 6-8 giờ ở điều kiện nhiệt độ phòng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Ống	62.000
85	85	Ống nghiệm nhựa nắp đỏ có hạt không có chất chống đông	Thân ống được làm bằng chất liệu nhựa PP kích thước 12x75mm cho dung tích tối đa 5ml, nắp nhựa màu đỏ. Sản phẩm được phun hóa chất dưới dạng sương bám đều trên thành trong của ống nghiệm và được sấy khô, có hạt bên trong giúp tách nhanh huyết thanh trong máu. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Ống	4.000
86	86	Ống nghiệm lấy mẫu huyết học	Ống nghiệm lấy mẫu. Thẻ tích chứa tối đa: 5 mL. Thân ống nhựa PS hoặc tương đương, chiều dài 75 mm, đường kính ngoài 12 mm. Nắp nhựa Polyethene hoặc tương đương. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Ống	3.500
87	87	Ống chống đông Citrate	Thân ống được làm bằng chất liệu nhựa PP kích thước 12x75mm cho dung tích tối đa 5ml, nắp nhựa màu Xanh lá. Sản phẩm được phun 200ul hóa chất chống đông Sodium citrate 3,8% đủ để chống đông cho máu trong khoảng từ 6-8 giờ ở điều kiện nhiệt độ phòng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	8.000
88	88	Ống nghiệm Glucose	Thân ống được làm bằng chất liệu nhựa PP kích thước 12x75mm cho dung tích tối đa 5ml, nắp nhựa màu Xám. Sản phẩm được phun hóa chất chống đông NaF + Sodium Heparin dưới dạng sương bám đều trên thành trong của ống nghiệm ở một nồng độ tiêu chuẩn đủ để chống đông cho máu trong khoảng từ 6-8 giờ ở điều kiện nhiệt độ phòng. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Ống	20.000
89	89	Ống nội khí quản có cốp	Được làm từ nhựa PVC hoặc tương đương, với bóng có dung lượng cao độ nén thấp, bóng lái, van có đầu bơm cho khóa luer, đầu nối tiêu chuẩn 15mm, Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	1.000
90	90	Ống nội khí quản không cốp 2,5; 3; 3,5; 4	Được làm từ nhựa PVC hoặc tương đương, van có đầu bơm cho khóa luer, đầu nối tiêu chuẩn 15mm, đường mờ tia X chạy dọc chiều dài ống. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	200
91	91	Ống nghiệm nhựa nước tiểu có nắp, có nhãn	1. Chất liệu: Ống trong suốt làm bằng nhựa PP, có nắp đậy bằng nhựa 2. Thông số kỹ thuật: Ống tube 16x100mm 3. Đặc tính, tính năng kỹ thuật: Sử dụng trong máy cấy nước tiểu tự động 4. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO hoặc tương đương	Ống	60.000
92	92	Ống nghiệm nhựa để truyền máu	Sử dụng nhựa trung tính không phản ứng với các loại chứa hoá chất bên trong, tinh khiết 100%, kích thước ≥ 12x75mm. Thành ống trơn láng chống sự bám dính mẫu bệnh phẩm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Ống	20.000
93	93	Ống nghiệm dài 12*75mm, có nắp	Chất liệu PVC, dùng đựng bệnh phẩm. Kích thước 12*75mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Ống	1.300
94	94	Sonde Foley 2 chạc	Nguyên liệu: Cao su không độc tố được tráng silicon. Kích thước đầu tip ngắn: 15-24mm giảm kích thích bàng quang, độ mờ của lòng ống bên trong cho phép theo dõi sự thoát nước của ống thông. Các số 12-28Fr có chiều dài tổng thể: ≥ 400mm, Van mềm. Các số trẻ em từ 6-10 Fr có chiều dài tổng thể: ≥ 280mm. Tiệt trùng bằng chiếu xạ Gamma. Đóng gói 2 lớp chắc chắn. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	1.500

STT	STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu tính năng, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
95	95	Sonde dạ dày các cỡ	Ống thông dạ dày các cỡ gồm 2 loại có nắp (gồm các cỡ 5Fr, 6Fr, 8 Fr, 10Fr) và không có nắp (12Fr,14Fr,16Fr,18Fr). Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm, dẻo, trơn giảm tổn thương niêm mạc. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	1.500
96	96	Bộ dây máy thở dùng 1 lần	Bộ dây thở loại gọn sóng vật liệu polyethylene (PE) hoặc tương đương dài 150-180cm, đường kính ống dây tiêu chuẩn 22mm, gồm 4 đoạn ống thở lắp ráp với 2 bẫy nước trong suốt với thiết kế van 1 chiều. Có chữ Y và có 90° có cổng luer lấy mẫu khí và nắp dây cố định. Đầu nối với máy thở tiêu chuẩn 22 mm. Dây limb 80cm và có nối thẳng 22mmM-22mmM/15mmF, dùng cho người lớn, dùng 1 lần, tiệt trùng Eto. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Bộ	200
97	97	Con sâu máy thở	Ống nối dây máy thở cao tần, đa hướng, dùng một lần vật liệu PP hoặc tương đương, chiều dài 15 cm (mở rộng), ống dây đa hướng có thể co giãn và dễ dàng định hình. Có nối phía bệnh nhân có thể xoay tại 2 vị trí, có cổng lấy khí với nắp dây cố định trên co nối. Đầu nối tiêu chuẩn 22mmM- 22mmM/15mmF, dùng 1 lần, tiệt trùng bằng Ethylene Oxyde. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 13485 hoặc tương đương	cái	1.600
98	98	Filter lọc máy thở	Phin lọc khuẩn, loại ba chức năng, dùng cho người lớn (HMEF). Thể tích khí lưu thông: 200ml-1500ml, vật liệu PP hoặc tương đương. Trọng lượng: $29 \pm 0,5$ g. Độ thất thoát hơi ẩm: $8,9 \pm 0,5$ g mg/L H ₂ O (500 ml VT). Khoảng chết cơ học: 17,1 – 18,9 ml. Hiệu quả lọc vi khuẩn, virus: 99% - 99,999%. Độ sụt áp: 30 L/phút: $1,2 \pm 0,2$ hPa, 60 L/phút: $2,7 \pm 0,2$ hPa, 90 L/phút: $4,6 \pm 0,2$ hPa. Kích thước đầu nối 22mmF/15mmM (phía máy), 22mmM/15mmF (phía bệnh nhân). Cổng luer lấy mẫu khí có nắp dây. Tiệt trùng bằng Ethylene Oxyde. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	1.700
99	99	Nút chặn đuôi kim luồn	Nút chặn đuôi kim luồn không có cổng bơm thuốc, dài ≥ 10 mm, Latex-Free, khóa maler luer 6%, vật liệu ABS, Tiệt trùng bằng Ethylene Oxide. Tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	28.800
100	100	Túi đựng nước tiểu	Túi PVC , thể tích 2000ml có chia vạch, vô trùng. Đảm bảo kín không rò rỉ. Van kéo dãn. Kích thước túi: chiều dài 248 ± 5 mm, chiều rộng $175\text{mm} \pm 5$ mm, dây 2 lớp ≥ 0.22 mm. Kích thước ống dây: dài 900 ± 20 mm, đường kính ngoài 6 ± 0.5 mm, đường kính trong ≥ 3.5 mm. Các mối nối chịu được lực 40N trong 15s tĩnh. Có van chống trào ngược. Đạt TC ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	5.000
101	101	Bình dẫn lưu hút áp lực âm các cỡ	Đã tiệt trùng; gồm 3 lọ xo hút chân không 200- 400 cc, ống hút chất liệu PVC, đầu nối với ống dẫn và giúi chọc hình Y; 3 lọ xo hút chân không. Đóng gói trong 2 lớp bao bì đảm bảo sự tiệt trùng	Bộ	300
102	102	Que lấy mẫu ty hầu	Que lấy mẫu ty hầu - Chất liệu cán bằng nhựa PP/ABS, đầu bông, chiều dài ≥ 150 mm, có khắc bẻ ở vị trí 80mm. Đóng gói riêng từng chiếc. Tiệt trùng bằng EO Gas. Được sử dụng để lấy dịch ty hầu trong các xét nghiệm tìm virus.	Cái	15.000
103	103	Que tăm bông	Chất liệu: tre tự nhiên, có đầu bông tắm Kích thước: 75x18x2 mm Thân chuốt tròn, nhẵn, đã hấp sấy tiệt trùng từng cái	Cái	900
104	104	Đầu côn vàng	Đầu côn vàng 200ul; Thể tích hút: 1-200ul; Màu sắc: Vàng; Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	Cái	70.000
105	105	Lam kính (25,4x 76,2x 1,2 mm)	Chất liệu kính Soda vôi, kích thước 25,4x76,2mm, độ dày 1,0-1,2mm, trong suốt. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Hộp	50
106	106	Đề lưỡi gỗ	Được làm từ gỗ tự nhiên, sấy khô, đánh bóng, sau đó mỗi que được đóng vào một túi nilong và được tiệt trùng bằng khí EO. Kích thước: $\geq 150\text{mm} \times 20\text{mm} \times 2\text{mm}$. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	30.000
107	107	Điện cực tim	Miếng dán: Dạng Foam bền, dính chặt ổn định. Kích thước: hình tròn, đường kính ≥ 50 mm. Bề mặt tiếp xúc: dạng Gel. Đầu giác nối với máy: kim loại phủ bạc. Đạt chứng chỉ ISO hoặc tương đương.	Cái	12.000
108	108	Kẹp rốn	Sản xuất từ chất liệu nhựa PP nguyên sinh, độ trơn láng cao. Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014 hoặc tương đương Xuất xứ: Việt Nam	Cái	1.200
109	109	Mỏ vịt nhựa	Mỏ vịt cỡ M và L, sản xuất từ chất liệu nhựa nguyên sinh, độ trơn láng cao. Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014 hoặc tương đương Xuất xứ: Việt Nam	Cái	300
110	110	Dầu Parafin	Chai 500ml. Nhãn ghi rõ hãng nước sản xuất	Chai	164
111	111	Nến parafin	Tinh khiết, chất lượng cao, dạng vảy, nhiệt độ nóng chảy ổn định 55-57°C	kg	100

STT	STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu tính năng, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
112	112	Túi camera	Chất liệu: Nhựa PE trắng trong suốt Thông số kỹ thuật: Miếng bao được cố định bởi 2 vòng kẹp lồng vào nhau, đường kính $\geq 97\text{mm}$, vòng ngoài có bề dày trung bình 1,5mm, vòng trong có bề dày 1,8mm. Phần bao nylon để luồn camera khi thao tác dài $\geq 2\text{m}$, bề rộng bán 150mm và có bề dày 0,03mm Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	1.500
113	113	Gel siêu âm	Tan trong nước, không có chất ăn mòn, không gây hổng đầu dò, không mùi không chứa chất bảo quản và không gây dị ứng. Độ PH 6.5 – 7.0, . Thành phần: Water, Carbomer, Glycerin, Sodium benzoate, coler,...). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Lít	300
114	114	Gel bôi trơn	Gel bôi trơn vô khuẩn, tan trong nước; Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương. Có tác dụng bôi trơn và tăng độ ẩm. Không gây dính, không mỡ, không để lại vết sau khi bôi lên da. Tan trong nước, thành phần Glycerol 10-25%; Propane-1,2-diol 1-5%; Methyl parahydroxybenzoate < 0.3%, Citric acid < 0.1%. Trọng lượng $\geq 82\text{Gr}$	Tuýp	48
115	115	Micropipet 100-1000 ml	Micropipet 100-1000 ml Pipet được thiết kế với độ lặp lại và độ chính xác cao, Độ chính xác: ± 2.5 đến $\pm 0.6\%$ Độ lặp lại: ≤ 0.6 đến $\leq 0.2\%$	Cái	2
116	116	Micropipet 10-100 ml	Micropipet 10-100 ml Độ chính xác: ± 3.0 đến $\pm 0.8\%$ Độ lặp lại: ≤ 1.0 đến $\leq 0.2\%$	Cái	2
117	117	Môi trường phát hiện nhanh vi khuẩn H. Pylori	Môi trường để phát hiện nhanh sự hiện diện của vi khuẩn H. Pylori trong mảnh sinh thiết dạ dày. Hộp 50 ống.	ống	2.000
118	118	Tay dao điện	Chiều dài: $\geq 3\text{m}$. Kiểu giác cầm: giác dẹt 3 chân tròn. Nút bấm tay dao: 2 nút phù hợp với dao mổ điện	Cái	500
119	119	Bộ đặt nội khí quản	Lưỡi được làm bằng thép không rỉ, bề mặt được đánh bóng, dễ lau chùi. Cấu hình 01 bộ bao gồm: - 01 Lưỡi thẳng Miller số 0 - 01 Lưỡi cong Macintosh số 1 - 01 Lưỡi cong Macintosh số 2 - 01 Lưỡi cong Macintosh số 3 - 01 Lưỡi cong Macintosh số 4 - 01 Cán pin - 01 Hộp đựng Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Bộ	3
120	120	Nhiệt kế điện tử	Thời gian đo: 3 giây Chế độ đo: Đo trán và tai, có thể chuyển đổi Độ chính xác: $\pm 0,1\text{ }^{\circ}\text{C}$ Bộ nhớ: Lưu 20 kết quả gần nhất Cảnh báo sốt: $\geq 37,5\text{ }^{\circ}\text{C}$ màn hình đỏ + báo âm thanh Đơn vị đo: $^{\circ}\text{C} / ^{\circ}\text{F}$ Màn hình: LCD, hiển thị nhiệt độ rõ ràng Nguồn điện: Pin (tự động tắt khi không dùng) Kích thước: $156 \times 46 \times 48\text{ mm}$ Trọng lượng: $\sim 77\text{ g}$ (không pin)		18
121	121	Bộ đo huyết áp điện tử	"Dải hiển thị huyết áp: 5 đến 299 mmHg (áp suất bao đo) với bước nhảy 1 mmHg. Dải nhịp đo: Nhịp: 40 đến 160 nhịp / phút Độ chính xác: Áp suất: $\pm 3\text{ mmHg}$. Nhịp: $\pm 5\%$. Sai số: Đối với nghe tim. Sai số trung bình: $\pm 5\text{ mmHg}$; Độ lệch chuẩn: 8 mmHg Nguồn điện: DC 6 V (với bốn pin AA). AC 100 - 240 V (với bộ đổi nguồn AC tùy chọn) Số phép đo: Khoảng 300 phép đo liên tục với bốn pin kiềm AA mới (với áp lực thổi phồng 180 mmHg, nhiệt độ môi trường xung quanh 25°C và chu vi cánh tay 27 cm) Điều kiện hoạt động: + Nhiệt độ: $10\text{ }^{\circ}\text{C}$ đến $40\text{ }^{\circ}\text{C}$; Độ ẩm tương đối: 30% đến 85% (không ngưng tụ)"	bộ	20
122	122	Bộ đo huyết áp	đồng hồ có vạch chia từ 20 ~300mmHg; với độ chính xác $\leq 3\text{mmHg}$ giúp cho đồng hồ không bị lệch điểm không. Vòng bít làm bằng chất liệu vải cao cấp cộng với hệ thống ống dẫn khí, quả bóp bằng chất liệu cao su có khả năng chống oxy hoá.	Bộ	10
123	123	Ống nghe	Tai nghe có độ khuếch đại lớn, không đau tai. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	10
124	124	Bao đo huyết áp	Chất liệu bằng da, phù hợp với bộ đo huyết áp	Cái	40
125	125	Bộ hút đờm kín	Ống hút đàm kín số 12-14Fr có 2 cổng. Một cổng súc rửa và một cổng truyền thuốc. Chiều dài ống dây $\geq 54\text{ cm}$. Đánh dấu độ sâu ống hút đến 40cm. Được làm chất liệu PVC hoặc tương đương không gây kích ứng cho người sử dụng. Có đầu kết nối với máy hút đờm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	100

STT	STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu tính năng, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
126	126	Dây cáp điện tim tương thích cho máy điện tim Nihonkoden	Chất liệu kim loại phủ nhựa TPU, Tương thích với máy điện tim. Nihonkoden 6 cần. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	Cái	5
127	127	Bộ Điện cực hút ngực và kẹp chỉ của máy điện tim	tương thích máy điện tim NihonKohden	Bộ	5
128	128	Dây cáp đo SpO2 của máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số	Chất liệu kim loại phủ nhựa TPU, Tương thích với máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số của hãng Nihonkoden. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	Cái	10
129	129	Dây cáp đo điện tim của máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số	Chất liệu kim loại phủ nhựa TPU, Tương thích với máy theo dõi bệnh nhân 5 thông số của hãng Nihonkoden. Đạt tiêu chuẩn ISO hoặc tương đương	Cái	10
130	130	Dây giác máy điện châm KWD - 808I	Dây dài 1,27 m, 1 đầu đục ra 2 đầu kim kẹp kim loại	Dây	500
131	131	Đèn hồng ngoại	Công suất tối đa: 250w. Điện thế: 220v Dây nguồn: ≥ 4m Có Chiết áp để thay đổi nhiệt độ dễ dàng Chiều cao của Đèn hồng ngoại gù lên tới 1m7. Cố định vị xoay linh động đến gần 360 độ Khoảng rộng Đèn hồng ngoại gù 1m7 lên đến 30cm + 30cm. Đuôi đèn có thể sử dụng được nhiều loại bóng khác nhau	Cái	20
132	132	Bóng đèn hồng ngoại	Công suất cực đại 220V/50Hz- 250W	cái	20
133	133	Ống hút dùng trong phẫu thuật	Ống hút dùng trong phẫu thuật vật liệu cứng 4 mắt, kích thước dài ≥ 27cm,	cái	1.000
134	134	Ống hút phẫu thuật nha khoa	Chất liệu: Inox y tế 304 hoặc tương đương, chống gỉ, bền, dễ vệ sinh Kích thước: Số 12 – Đường kính 0,4 mm Chiều dài: 16 cm Độ cong: Cong nhẹ tiêu chuẩn, dễ tiếp cận khoang miệng Sử dụng Hút máu, dịch, tạp chất trong phẫu thuật nha khoa	Cái	15
135	135	Bóng đèn máy sinh hiển vi	Tuổi thọ: ≥ 500 giờ - Loại đuôi đèn: G-6.35 hoặc tương đương. - Nguồn điện: 24V. - Công suất bóng: 150W. - Màu ánh sáng: vàng - Loại bóng đèn: Halogen. - Nhiệt độ màu: 3550K.	Cái	4
136	136	Bóng đèn dùng cho đèn phẫu thuật	Bóng đèn 24V-150W; Tuổi thọ: ≥ 500 giờ; Đường kính: 50 mm; Nhiệt độ màu ≥ 3400K; Chiều dài dây dũ: 44.5 mm	Cái	10
137	137	Cố định ống NKQ chống cắn	Đường kính bên trong ID 5-10mm. Giúp cố định ống NKQ nhanh chóng, an toàn, sử dụng cho bệnh nhân mở khí quản	Cái	50
138	138	Bộ bóp bóng cấp cứu	Van bệnh nhân chất liệu: PVC, silicone hoặc tương đương. Túi: PVC hoặc tương đương dung tích 1500ml. Van nạp: PC, Silicone hoặc tương đương. Bộ van: PVC, PC, PE, Silicone hoặc tương đương dung tích 2500ml. Dây oxygen: PVC hoặc tương đương. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	bộ	10
139	139	Bộ bóp bóng cấp cứu có beep	Bóng bóp giúp thở có van peep, các cỡ: người lớn, trẻ em, sơ sinh - Chất liệu: PVC/ PC/PE - Thể tích bóng/ túi trữ khí: 1500ml/2500ml, 450ml/2500ml, 280ml/600ml - Van peep: 5–20cmH2O hoặc 2–10cmH2O - Trờ kháng hít vào/ thở ra ≤ 5cm cmH2O tại 50l/ph - Van POP-OFF giải phóng khí áp suất ≤ 60cmH2O tại 60l/ph hoặc 30–45cmH2O tại 15l/ph - Khoảng chết <6ml - Thể tích cung cấp mong đợi lên đến 675ml/300ml/125ml - Tốc độ dòng oxy: 15l/ph - 99% - 01 mặt nạ, 01 túi chứa oxy; 01 dây nối oxy nguồn dài khoảng 2m	Bộ	8
140	140	Đồng hồ giảm áp oxy	Trọng lượng nén 14700kpa (150kg/cm2) Áp suất khí vào lớn nhất: 280 bar Áp suất khí ra max: 25 bar Chất liệu sản phẩm: Hợp kim kẽm thân van	bộ	40
141	141	Tấm trải nylon vô khuẩn	Thành phần chính: túi nylon PE hoặc PP, chống thấm nước Kích thước: ≥100x130cm Tiệt trùng từng cái	cái	1.000
142	142	Giấy thử (Chỉ thị hóa học) dùng cho máy tiệt trùng hơi nước	Chỉ thị hóa học dùng trong quá trình tiệt trùng bằng hơi nước - Kích thước : ≥ 20mm*140mm - Chỉ thị chuyển màu xanh sang đen (dành cho 2 chu trình 121 độ và 135 độ) - Thành phần: - Mặt trên: Mực nhiệt đặc biệt (vàng) - Mặt dưới: Thẻ giấy trắng	Miếng	4.000

STT	STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu tính năng, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
143	143	Băng keo chỉ thị hấp ướt	Dùng cố định gói dụng cụ hấp - Để kiểm tra gói dụng cụ đã hấp và chưa hấp thông qua vạch - Chỉ dùng cho máy hấp ướt - Kích thước cuộn: $\geq 19\text{mm} \times 50\text{m}$ - Thành phần: - Mặt trên: Mực chỉ thị nhiệt đặc biệt. - Mặt dưới: Giấy y tế Crepe	Cuộn	30
144	144	Băng dính chỉ thị giám sát quy trình tiệt khuẩn bằng nhiệt khô	Đổi màu từ xanh sang nâu - Kích thước: $\leq 55\text{ m} \times 20\text{mm}$. - Băng keo có thể dính lên các vật liệu đóng gói như: vải, giấy, và plastic - Không để lại vết chất dính trên bề mặt vật liệu sau khi bóc bỏ	Cuộn	20
145	145	Túi ép dẹt tiệt trùng dùng trong y tế 100mm	Túi dùng để đóng gói dụng cụ hấp tiệt trùng bằng hơi nước, khí EO, Formandehyde và có chỉ thị kèm theo Thành phần: Gồm 2 lớp: Mặt trên : Giấy y tế : trọng lượng 60gsm $\pm 5\%$; Mặt dưới : Tẩm film xanh trong suốt : Độ dày : $52\mu\text{m} \pm 5\%$ (được làm bằng 12um PET + 40um CPP hoặc không rách CPP) Kích thước 100 mm x $\geq 200\text{m}$	Cuộn	22
146	146	Túi ép dẹt tiệt trùng dùng trong y tế 150mm	Túi dùng để đóng gói dụng cụ hấp tiệt trùng bằng hơi nước, khí EO, Formandehyde và có chỉ thị kèm theo Thành phần: Gồm 2 lớp: Mặt trên : Giấy y tế : trọng lượng 60gsm $\pm 5\%$; Mặt dưới : Tẩm film xanh trong suốt : Độ dày : $52\mu\text{m} \pm 5\%$ (được làm bằng 12um PET + 40um CPP hoặc không rách CPP) Kích thước rộng 150mm x dài $\geq 200\text{m}$	Cuộn	30
147	147	Túi ép dẹt tiệt trùng dùng trong y tế 200mm	Túi dùng để đóng gói dụng cụ hấp tiệt trùng bằng hơi nước, khí EO, Formandehyde và có chỉ thị kèm theo Thành phần: Gồm 2 lớp: Mặt trên : Giấy y tế : trọng lượng 60gsm $\pm 5\%$; Mặt dưới : Tẩm film xanh trong suốt : Độ dày : $52\mu\text{m} \pm 5\%$ (được làm bằng 12um PET + 40um CPP hoặc không rách CPP) Kích thước rộng 200mm x $\geq 200\text{m}$	Cuộn	20
148	148	Túi ép dẹt tiệt trùng dùng trong y tế 250mm	Túi dùng để đóng gói dụng cụ hấp tiệt trùng bằng hơi nước, khí EO, Formandehyde và có chỉ thị kèm theo Thành phần: Gồm 2 lớp: Mặt trên : Giấy y tế : trọng lượng 60gsm $\pm 5\%$; Mặt dưới : Tẩm film xanh trong suốt : Độ dày : $52\mu\text{m} \pm 5\%$ (được làm bằng 12um PET + 40um CPP hoặc không rách CPP) Kích thước Rộng 250mm x $\geq 200\text{m}$	Cuộn	20
149	149	Túi ép dẹt tiệt trùng dùng trong y tế 350mm	Túi dùng để đóng gói dụng cụ hấp tiệt trùng bằng hơi nước, khí EO, Formandehyde và có chỉ thị kèm theo Thành phần: Gồm 2 lớp: Mặt trên : Giấy y tế : trọng lượng 60gsm $\pm 5\%$; Mặt dưới : Tẩm film xanh trong suốt : Độ dày : $52\mu\text{m} \pm 5\%$ (được làm bằng 12um PET + 40um CPP hoặc không rách CPP) Kích thước rộng 350mm x dài $\geq 200\text{m}$	Cuộn	8
150	150	Nước cất 2 Lần Loại C	Độ dẫn điện: 1,39 $\mu\text{S}/\text{cm}$. Giới hạn Acid – kiềm: Đạt quy định. Amoni: 0,1mg/l, Sunfat : <1,0, Độ pH: 6,3; Calci và Magnesi (LOD= 5,0); TDS (LOD= 5,0).	lít	5.000
151	151	Nước muối Natriclorua 0,9%	Chai 500ml. Nhãn ghi rõ hãng nước sản xuất	Chai	2.000
152	152	Cồn 70°	Cồn 70°, trong suốt không màu có mùi cồn đặc trưng	Lít	1.800
153	153	Cồn 90°	Dung dịch dùng ngoài da trong suốt, dễ bay hơi, không màu	Chai	35
154	154	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao	Ortho-Phthalaldehyde 0,55% (w/w), hệ đệm pH =7-9. Hiệu quả sau thời gian ngâm tối thiểu 5 phút. Hiệu quả vi sinh (phase 2, step 2) Vi khuẩn : EN 14561; Nấm, mốc : EN 14562; Mycobacterium (Trực khuẩn lao): EN 14563; Virus: EN 17111 hoặc tương đương Test thử đi kèm tương thích với sản phẩm.	Lít	300
155	155	Dung dịch sát khuẩn tay nhanh	Hoạt chất: Ethanol 73,5% (w/w), Isopropanol 2,5% (w/w), Chlorhexidine digluconate 0,5% (w/w). Hệ dưỡng ẩm: Glycerine, Caprylic/Capric triglyceride, Cyclopentasiloxane, Glycereth-26, Olive Oil PEG-7 Esters, Dipropylene glycol... Chất tạo màu, hương liệu. Hàm lượng Methanol: $\leq 2000\text{ (mg/l)}$	Chai	300
156	156	Dung dịch rửa tay	Dung dịch xà phòng rửa tay Chất hoạt động bề mặt: SLES, Sodium lauroamphoacetate Hệ dưỡng ẩm: Glycerol, Dipropylene glycol, PEG-7 Glyceryl cocoate, Polyquaternium-7. Chất chỉnh pH: Acid Citric. Hương liệu.	Chai	300
157	157	Dung dịch xịt khử khuẩn bề mặt	Hoạt chất: Didecyl dimethyl ammonium chloride (DDAC) 0,1% (w/w), Poly(hexamethylenebiguanide) hydrochloride (PHMB) 0,1 % (w/w), Ethanol 30% (w/w). - Chất hoạt động bề mặt: Fatty Alcohol Ethoxylate,... - Chất chống ăn mòn. - Nước tinh khiết. Đạt hiệu quả vi sinh sau 1 phút tiếp xúc	Chai	30
158	158	Chất khử khuẩn mức độ dụng cụ y tế	Thành phần: <5% phosphates, chất điện hoạt không ion, >30% chất tẩy trắng gốc oxy Hoạt chất peracetic acid được hình thành trong quá trình pha dung dịch, Dung dịch 1% (10g cốm mỗi lít) chứa 0,15% peracetic acid. - Độ pH: 7.6-7.9 (20g/l, phụ thuộc dung môi, 20°C)	Kg	116

STT	STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu tính năng, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
159	159	Dung dịch tẩy rửa, làm sạch dụng cụ y tế hoạt tính Enzyme	Dung dịch Enzyme tính kiềm tẩy rửa dụng cụ y tế. Sử dụng được trong bồn ngâm, máy rửa khử khuẩn và máy rửa sóng siêu âm - Thành phần: < 5% chất hoạt động bề mặt không ion và anion, có chứa Enzymes (protease) PH dung dịch: 10,4-10,8 (2-10ml/l, dựa vào nước khử ion, 20 độ C) Độ nhớt: <10 mPa s (dung dịch đặc, 20 °C)	lít	240
160	160	Dung dịch đánh tan gỉ dụng cụ y tế	Dung dịch đánh tan gỉ sắt, sử dụng trong bồn rửa hoặc máy rửa sóng siêu âm - Thành phần: Chất hoạt động bề mặt không ion < 5% ,phosphates > 30% - pH: 1.8-0.9 (nước khử khoáng, 20 °C, dung dịch 1-10% (10-100ml/L)) - Độ nhớt: < 50 Pas ((trong dung dịch đậm đặc, 20°C)	Lít	10
161	161	Dầu bôi trơn, đánh bóng dụng cụ y tế	- Bôi trơn dụng cụ phẫu thuật, các dụng cụ có bản lề, không gây đóng cặn - Thành phần: Paraffinum liquidum (paraffin)	Chai	6
162	162	Gói kiểm tra chức năng lò hấp hơi nước	Kiểm tra chất lượng lò tiệt khuẩn hơi nước - Chạy chu trình tiệt khuẩn 134±1,5° C trong 3 phút - Kích thước : 115mm*125 mm - Thành phần: - Sticker chỉ thị, Giấy gói Crepe, giấy và bọt biển, giấy kiểm tra	gói	100
163	163	Vôi soda	Chất liệu: Vôi, Sodium hydroxide, nước và chất chỉ thị màu sang màu tím. Dạng viên bán cầu 4.5mm. Hạn chế biến dạng và vỡ. Cho phép hấp thụ CO2 đồng nhất	kg	100
164	164	Myfluo	Cân chỉnh kính áp tròng Đo nhãn áp bằng nhãn áp kế Đánh giá tính chất màng film nước mắt Đánh giá tổn thương bề mặt nhãn cầu Đánh giá rò vết mổ ngay trên bàn phẫu thuật cho các phẫu thuật cắt bì, thay thế thủy tinh thể, ghép giác mạc (cẩn vô khuẩn)	hộp	30
165	165	Muối hoàn nguyên	Natri Clorua 99%	kg	750
166	166	Khẩu trang	Khẩu trang giấy kháng khuẩn 4 lớp gồm 03 lớp vải không dệt 3S và ở giữa là các lớp lọc kháng khuẩn, quai đeo mềm không gây kích ứng da. Hiệu suất lọc > 90%. Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn: FDA, EN ISO 13485:2016; EN ISO 11135: 2014, ISO 9001 :2015, CE hoặc tương đương. Đóng túi 1 cái/1 túi, tiệt trùng kín bằng khí EO.	cái	2.000

Tổng phần I: 166 khoản

Phần II: Chỉ phẫu thuật, Dụng cụ phẫu thuật, thủ thuật và công cụ y tế					
167	1	Chỉ không tan Nylon số 2/0	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamid 6/66, số 2/0, dài 75cm, kim tam giác, 3/8 vòng tròn dài 24mm, làm bằng thép không gỉ AISI 300 series (304) phủ silicon. Lực căng kéo nút thắt 31.39N. Đóng gói trực tiếp 2 lớp: lá nhôm bên trong, vỏ nhựa bên ngoài. Tiêu chuẩn FDA, EC, ISO hoặc tương đương.	Sợi	2.340
168	2	Chỉ không tan Nylon số 3/0	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamid 6/66, số 3/0, dài 75cm, kim tam giác, 3/8 vòng tròn dài 24mm, làm bằng thép không gỉ AISI 300 series (304) phủ silicon. Lực căng kéo nút thắt 15.50N. Đóng gói trực tiếp 2 lớp: lá nhôm bên trong, vỏ nhựa bên ngoài. Tiêu chuẩn FDA, EC, ISO hoặc tương đương.	Sợi	2.340
169	3	Chỉ không tan Nylon số 4/0	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamid 6/66, số 4/0, dài 75cm, kim tam giác, 3/8 vòng tròn dài 19mm, làm bằng thép không gỉ AISI 300 series (304) phủ silicon. Lực căng kéo nút thắt 9.81N. Đóng gói trực tiếp 2 lớp: lá nhôm bên trong, vỏ nhựa bên ngoài. Tiêu chuẩn FDA, EC, ISO hoặc tương đương.	Sợi	900
170	4	Chỉ không tan Nylon số 5/0	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Polyamid 6/66, số 5/0, dài 75cm, kim tam giác, 3/8 vòng tròn dài 16mm, làm bằng thép không gỉ AISI 300 series (304) phủ silicon. Lực căng kéo nút thắt 6.67N. Đóng gói trực tiếp 2 lớp: lá nhôm bên trong, vỏ nhựa bên ngoài. Tiêu chuẩn FDA, EC, ISO hoặc tương đương.	Sợi	660
171	5	Chỉ Nylon 7/0	Chỉ khâu mắt sợi đơn Nylon 7-0 màu đen, dài ≥ 30cm. Hai kim tiết diện nhọn cắt chiều dài 15mm, độ cong 3/8. Kim làm bằng thép cứng bó sợi, mũi kim mài theo công nghệ cạnh mài ngang. Tiêu chuẩn FDA, EC, ISO hoặc tương đương.	Sợi	50
172	6	Chỉ không tan Nylon số 10/0	Chỉ khâu mắt sợi đơn Nylon 10-0 màu đen, dài ≥30 cm. Hai kim tiết diện hình thang chiều dài 6 mm, đường kính 0,14mm, độ cong 3/8. Kim làm bằng thép cứng bó sợi, mũi kim mài theo công nghệ cạnh mài ngang. Tiêu chuẩn FDA, EC, ISO hoặc tương đương.	Sợi	100
173	7	Chi Prolen 2/0	Chỉ không tan đơn sợi phức hợp Polypropylene + Polyethylene (95/5), số 2/0, chỉ dài 75cm, kim tròn 1/2 vòng tròn dài 26mm đầu cắt, làm bằng thép không gỉ AISI 300 series (304) phủ silicon, lực căng kéo nút thắt 29.14N, Đóng gói bao bên ngoài là màng film Polyester-Polyethyleneterephthalate, chỉ được quấn quanh khung nhựa HDPE. Tiêu chuẩn FDA, EC, ISO hoặc tương đương.	Sợi	60

STT	STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu tính năng, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
174	8	Chỉ Prolen 3/0	Chỉ không tan đơn sợi phức hợp Polypropylene + Polyethylene (95/5), số 3/0, chỉ dài 90cm, 2 kim tròn 1/2 vòng tròn dài 26mm, làm bằng thép không gỉ AISI 300 series (304) phủ silicon, lực căng kéo nút thắt 17.66N, Đóng gói bao bên ngoài là màng film Polyester-Polyethyleneterephthalate, chỉ được quấn quanh khung nhựa HDPE. Tiêu chuẩn FDA, EC, ISO hoặc tương đương.	Sợi	60
175	9	Chỉ Prolen 4/0	Chỉ không tan đơn sợi phức hợp Polypropylene + Polyethylene (95/5), số 4/0, chỉ dài 90cm, 2 kim tròn 1/2 vòng tròn dài 22mm, làm bằng thép không gỉ AISI 300 series (304) phủ silicon, lực căng kéo nút thắt 11.58N, Đóng gói bao bên ngoài là màng film Polyester-Polyethyleneterephthalate, chỉ được quấn quanh khung nhựa HDPE. Tiêu chuẩn FDA, EC, ISO hoặc tương đương.	Sợi	120
176	10	Chỉ Prolen 5/0	Chỉ không tan đơn sợi phức hợp Polypropylene + Polyethylene (95/5), số 5/0, chỉ dài 75cm, 2 kim tròn 1/2 vòng tròn dài 13mm, làm bằng thép không gỉ AISI 300 series (304) phủ silicon, lực căng kéo nút thắt 7.16N, Đóng gói bao bên ngoài là màng film Polyester-Polyethyleneterephthalate, chỉ được quấn quanh khung nhựa HDPE. Tiêu chuẩn FDA, EC, ISO hoặc tương đương.	Sợi	60
177	11	Chỉ tiêu Polyglycolic acid số 1	Chỉ tan đa sợi polyglycolic acid phủ bằng poly(lactic-co-glycolic acid) (30/70) và calcium stearate (lớp phủ thấp hơn 0,5%), số 1, dài ≥90cm, kim tròn 1/2C, 40mm±0,5mm. - Giữ vết mổ 28-35 ngày, tan hoàn toàn 60-90 ngày. Sức căng còn lại 65% sau 14 ngày và hơn 40% sau 21 ngày. - Độ bền kéo nút thắt 78,4N và ≥ 154% so với giới hạn USP. Lực tách kim và chỉ ≥35,2N. - Kim làm bằng thép không gỉ loại 300 series (302 hoặc 304) có thành phần (Chrom ≥17%, Niken ≥8%, Molybden 0,2-10%, Cu 5-7%), phủ silicon (có chất bôi trơn Elkem Silbione RTV). Đường kính kim 0,78 - 1,28mm - Tiêu chuẩn CE hoặc tương đương Xuất xứ: G7	Sợi	3.000
178	12	Chỉ tiêu Polyglycolic acid số 2/0	Chỉ tan đa sợi polyglycolic acid phủ bằng poly(lactic-co-glycolic acid) (30/70) và calcium stearate (lớp phủ thấp hơn 0,5%), số 2/0, dài ≥75cm, kim tròn 1/2C, 26mm±0,5mm. - Giữ vết mổ 28-35 ngày, tan hoàn toàn 60-90 ngày. Sức căng còn lại 65% sau 14 ngày và hơn 40% sau 21 ngày. - Độ bền kéo nút thắt 43,6N và ≥ 163% so với giới hạn USP. Lực tách kim và chỉ ≥21,1N. - Kim làm bằng thép không gỉ loại 300 series (302 hoặc 304) có thành phần (Chrom ≥17%, Niken ≥8%, Molybden 0,2-10%, Cu 5-7%), phủ silicon (có chất bôi trơn Elkem Silbione RTV). Đường kính kim 0,68- 1,28mm - Tiêu chuẩn CE hoặc tương đương Xuất xứ: G7	Sợi	2.700
179	13	Chỉ tiêu Polyglycolic acid số 3/0	Chỉ tan đa sợi polyglycolic acid phủ bằng poly(lactic-co-glycolic acid) (30/70) và calcium stearate (lớp phủ thấp hơn 0,5%), số 3/0, dài ≥75cm, kim tròn 1/2C, 26mm±0,5mm. - Giữ vết mổ 28-35 ngày, tan hoàn toàn 60-90 ngày. Sức căng còn lại 65% sau 14 ngày và hơn 40% sau 21 ngày. - Độ bền kéo nút thắt 25,1N và ≥ 142% so với giới hạn USP. Lực tách kim và chỉ ≥14,4N. - Kim làm bằng thép không gỉ loại 300 series (302 hoặc 304) có thành phần (Chrom ≥17%, Niken ≥8%, Molybden 0,2-10%, Cu 5-7%), phủ silicon (có chất bôi trơn Elkem Silbione RTV). Đường kính kim 0,58 - 0,78mm - Tiêu chuẩn CE hoặc tương đương Xuất xứ: G7	Sợi	2.880
180	14	Chỉ tiêu Polyglycolic acid số 4/0	Chỉ tan đa sợi polyglycolic acid phủ bằng poly(lactic-co-glycolic acid) (30/70) và calcium stearate (lớp phủ thấp hơn 0,5%), số 4/0, dài ≥75cm, kim tròn 1/2C, 18mm±0,5mm. - Giữ vết mổ 28-35 ngày, tan hoàn toàn 60-90 ngày. Sức căng còn lại 65% sau 14 ngày và hơn 40% sau 21 ngày. - Độ bền kéo nút thắt 14,3N và ≥ 151% so với giới hạn USP. Lực tách kim và chỉ ≥9,4N. - Kim làm bằng thép không gỉ loại 300 series (302 hoặc 304) có thành phần (Chrom ≥17%, Niken ≥8%, Molybden 0,2-10%, Cu 5-7%), phủ silicon (có chất bôi trơn Elkem Silbione RTV). Đường kính kim 0,43 - 0,58mm - Tiêu chuẩn CE hoặc tương đương Xuất xứ: G7	Sợi	1.800
181	15	Chỉ tiêu nhanh Vicryl rapid 2/0	Chỉ tan nhanh tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 áo bao poly(glycolide-co-l-lactid 30/70) + CaSt, số 2/0, chỉ dài 90cm, kim tròn thân dây, 1/2 vòng tròn dài 37mm, đầu cắt. công nghệ kim Easyslide, làm bằng thép không gỉ AISI 300 series (304) phủ silicon. Lực căng kéo nút thắt 24.59N. Sức căng kéo giảm 50% sau 5 ngày, 100% sau 14 ngày, tan hoàn toàn sau 42 ngày. Đóng gói trực tiếp 2 lớp: lá nhôm bên trong, vỏ nhựa bên ngoài. Tiêu chuẩn FDA, EC, ISO hoặc tương đương.	Sợi	1.260
182	16	Chỉ tiêu nhanh Vicryl rapid 3/0	Chỉ tan nhanh tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 áo bao poly(glycolide-co-l-lactid 30/70) + CaSt, số 3/0, chỉ dài 70cm, kim tam giác, 3/8 vòng tròn dài 24mm, làm bằng thép không gỉ AISI 300 series (304) phủ silicon. Lực căng kéo nút thắt 16.09N. Sức căng kéo giảm 50% sau 5 ngày, 100% sau 14 ngày, tan hoàn toàn sau 42 ngày. Đóng gói trực tiếp 2 lớp: lá nhôm bên trong, vỏ nhựa bên ngoài. Tiêu chuẩn FDA, EC, ISO hoặc tương đương	Sợi	400

STT	STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu tính năng, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
183	17	Chỉ tiêu nhanh Vicryl rapid 4/0	Chỉ tan nhanh đa sợi polyglycolic acid phủ poly(lactic-co-glycolic acid) (30/70) và calcium stearate, số 4/0, dài 75cm, kim tam giác 16mm±5%, 3/8C - Thời gian giữ vết mổ: 10-14 ngày. Sức căng còn lại trong cơ thể: 40% sức căng ban đầu sau 7 ngày và gần như mất mất hoàn toàn sau 14 ngày kể từ sau khi cấy. Tan hoàn toàn 42 ngày. - Độ bền kéo nút thắt: ≥ 12,5N. Lực tách kim và chỉ: ≥ 9,5N - Kim làm bằng thép không gỉ loại 300 series (302 hoặc 304) có thành phần (Chrom ≥17%, Niken ≥8%, Molybden 0,2-10%, Cu 5-7%), phủ silicon (có chất bôi trơn Elkem Silbione RTV). Đường kính kim 0,43 - 0,58mm - Tiệt trùng tia Gamma. - Tiêu chuẩn CE hoặc tương đương - Xuất xứ: G7	Sợi	460
184	18	Chỉ tiêu Polyglycolic Acid 6-0	Chỉ khâu tự tiêu Polyglycolic Acid 6-0, chiều dài chỉ ≥45cm. Hai kim cong 2 đầu, tiết diện lục giác, đường kính kim 0.28 mm, chiều dài kim 8.5 mm, độ kim cong 1/4. Kim làm bằng thép cứng bó sợi, mũi kim mài theo công nghệ cạnh mài ngang. TTiêu chuẩn 13485 hoặc tương đương	Sợi	12
185	19	Chỉ catgut 4/0	Chỉ tan chậm tự nhiên chromic catgut số 4/0, dài ≥75 cm, kim tam giác 3/8c, dài 16 mm. Chỉ làm từ collagen tinh khiết, sợi chắc, mềm dễ uốn. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả Kim thép 302 phủ silicon, mũi vuốt nhọn Ultraglyde. Tiêu chuẩn 13485 hoặc tương đương	Sợi	120
186	20	Bộ gây tê ngoài màng cứng thể hệ mới (2 lớp chất liệu)	Catheter bằng 2 lớp chất liệu Polyamide(đảm bảo độ cứng cần thiết) và Polyurethan(đảm bảo độ mềm mại mong muốn), đầu nối Catheter dạng nắp bật: - Màng lọc vi khuẩn: 0,2 µm, miếng cố định lọc	Bộ	200
187	21	Kim gây tê đám rối thần kinh 100 mm	Kim G21 dài 100 mm, cách điện, có vạch đánh dấu mỗi 1 cm trên thân kim. Có dây nối bơm thuốc, tương thích với máy kích thích thần kinh Stimuplex.	Cái	100
188	22	Kim chọc dò gây tê tủy sống	Kim gây tê tủy sống dài 88mm.G25; G27. Thiết kế lăng kính pha lê phản quang trong chuỗi kim . Lăng kính có màu sáng bạc trước khi có dịch não tủy chảy ra, lăng kính chuyển sang trong suốt khi có dịch não tủy chảy ra.	Cái	1.200
189	23	Catheter tĩnh mạch trung tâm 1 nòng	Catheter chất liệu polyurethan đường kính ngoài 6F, chiều dài 20cm, 1 nòng, kích cỡ nòng G14. Đầu nối catheter có valve 2 chiều, tránh nhiễm khuẩn. Có dây cáp để định vị đầu catheter bằng sóng ECG.	Bộ	100
190	24	Lưỡi dao mổ các số	Dao sắc. Chất liệu thép không gỉ, tiệt trùng bằng tia Gamma. Các số 10, 11, 12 ,15, 20, 21, 22. Các rãnh dọc lưỡi dao tương thích với mọi loại cán dao mổ tiêu chuẩn fitment số 3 và số 4 cũng như là 3L, 4L & 7... do bất kỳ công ty nào sản xuất. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương;	Cái	5.000
191	25	Kẹp nắn bờ mi	Má kẹp dưới đặc tròn, má trên mở; Đường kính bên trong của tấm trên 9 mm; Cơ cấu vít khóa; Hoàn thiện mờ Chiều dài tổng thể 97mm	Cái	5
192	26	Panh rút chỉ giác mạc	Chất liệu thép không gỉ, chiều dài 85mm, thẳng, đầu trơn dài 5mm, dùng cho chỉ số 8.0 đến 11.0	Cái	2
193	27	Panh giác mạc	Chất liệu thép không gỉ, hàm có góc dài 11mm;; 1 X 2 răng, 0,21mm	Cái	2
194	28	Kim bơm lệ đạo	Kim bơm lệ đạo, ống 13mm, thẳng, G25	Cái	10
195	29	Vành mi điều chỉnh được	Dành cho người lớn, lưỡi 14mm		2
196	30	Panh buộc chỉ cong	Panh buộc chỉ cong Dành cho chỉ khâu 8-0 đến 11-0 Nền buộc 6 mm Tay cầm phẳng Tổng chiều dài 100 mm		2
197	31	Panh kẹp chỉ kiểu Barraquer Colibri	1x2 răng 0,12 mm Cán phẳng có răng cưa Không có bộ buộc Hoàn thiện mờ Chiều dài tổng thể 90 mm		2
198	32	Kéo Vannas	Kéo Vannas, Cong Lưỡi dao 6 mm Đầu nhọn sắc bén Bề mặt mờ Chiều dài tổng thể 90 mm		2
199	33	Kẹp mạch máu dùng trong nhãn khoa (hàm răng cưa thẳng)	Hàm răng cưa thẳng Tay cầm vòng Hoàn thiện mờ Chiều dài tổng thể 75 mm		2

STT	STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu tính năng, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
200	34	Kẹp mạch máu dùng trong nhãn khoa (hàm răng cưa cong)	Hàm răng cưa cong Tay cầm vòng Hoàn thiện mở Chiều dài tổng thể 75 mm		2
201	35	Kim mang kim cong, không khoá dùng trong nhãn khoa	Kim mang kim cong, không khoá kiểu Barraquer Hàm tiêu chuẩn 12,5 mm Tay cầm có khía tròn Chiều dài tổng thể 125 mm		2
202	36	Kéo giác mạc	Dẹt, Cong trên Lưỡi nhỏ 7 mm Cán phẳng có răng cưa Hoàn thiện mở Tổng chiều dài 100 mm		2
203	37	Kim kẹp kim	Kẹp kim MAYO-HEGAR, dài 16.0CM	chiếc	20
204	38	Kéo cắt chỉ	Kéo phẫu thuật MAYO, thẳng, tù/tù, dài 17.0CM	chiếc	20
205	39	Kẹp phẫu tích có máu	Kẹp mô Standard, 1X2 răng, dài 16CM	chiếc	16
206	40	Kẹp phẫu tích không máu	Kẹp phẫu tích Standard, thẳng, dài 16CM	chiếc	7
207	41	Kéo thẳng đầu tù	Kéo phẫu thuật thẳng, tù/tù, dài 16.5CM	chiếc	20
208	42	Panh cong có máu	Kẹp mạch máu OCHSNER-KOCHER thẳng dài 16CM		20
209	43	Cán dao các số	Cán dao các số	Cái	10
210	44	Clip kẹp mạch máu	Clip kẹp mạch máu bằng Titanium hình chữ V có cấu tạo rãnh giúp clip bám chắc vào mạch máu, chân clip hình tam giác	Cái	600
211	45	Clip kẹp mạch máu Hem-o-lok	- Clip bằng polyme không tiêu - Thiết kế hình cung giúp giữ được nhiều mô hơn. Có khóa đóng nhanh, hiệu quả, an toàn tạo phản hồi xúc giác cho phẫu thuật viên khi đóng clip. Bàn lề động. Có răng tích hợp giúp clip không bị trượt trên mô. - Có răng (gờ) tích hợp ngăn ngừa clip bị trượt và bị dịch chuyển ra khỏi mô. - Bàn lề rộng và linh hoạt giúp điều chỉnh độ đàn hồi một cách linh hoạt theo lực tác dụng. - Kẹp được mạch máu cỡ 3 mm đến 10 mm; 5 mm đến 13 mm; 7 mm đến 16 mm	Cái	1.200
212	46	Tay khoan chậm thẳng	Tốc độ quay 40.000 vòng/ phút. * Tỷ lệ truyền: 1:1 – Direct Drive (truyền động trực tiếp) * Cơ chế gắn mũi: Push Button Chuck (bấm nút tháo lắp mũi nhanh) * Chuẩn kết nối mũi khoan (Ø2.35 mm) * Có hệ thống làm sạch đầu tay khoan. * Chịu được hấp sấy tiệt trùng 135° C và máy rửa khử khuẩn nhiệt	cái	2
213	47	Tay khoan chậm cong	Tốc độ quay 30.000 vòng/ phút. * Tỷ lệ truyền: 1:1 – Direct Drive (truyền động trực tiếp) * Cơ chế gắn mũi: Push Button Chuck (bấm nút tháo lắp mũi nhanh) * Chuẩn kết nối mũi khoan (Ø2.35 mm) * Chịu được hấp sấy tiệt trùng 135° C và máy rửa khử khuẩn nhiệt	cái	2
214	48	Tay khoan nhanh có đèn	Tay khoan loại 4 lỗ. * Tốc độ quay 330 - 430.000 vòng/ phút. * Công suất cắt tối thiểu 16 W * Có vòng bi làm bằng sứ. * Có hệ thống làm sạch đầu tay khoan. * Có 4 điểm phun nước làm mát đầu tay khoan. * Chịu được hấp sấy tiệt trùng 135 độ C và máy rửa khử khuẩn nhiệt	cái	2
215	49	Xe vận chuyển người bệnh	Xe chính: 01 cái - Bánh xe lớn: 02 cái - Bánh xe nhỏ: 02 cái - Đệm ngồi, tựa lưng: 01 bộ - Phanh: 02 cái - Đỡ chân: 02 cái - Bộ phụ kiện tiêu chuẩn: 01 bộ Kích thước (mm): + Chiều dài (mm): Lớn nhất 1100, nhỏ nhất 950 + Chiều rộng (mm): Lớn nhất 700, nhỏ nhất 600 + Chiều cao (mm): Lớn nhất 950, nhỏ nhất 850	Cái	5

STT	STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu tính năng, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
216	50	Xe tiêm 3 tầng (có bàn gấp bên cạnh tầng trên cùng)	Cấu hình đồng bộ: - Bàn chính: 01 cái - Bánh xe: 01 bộ 2. Đặc tính kỹ thuật: a. Kích thước (mm): (DxRx C) 840x540x1050mm ±3% b. Kết cấu chung: - Bàn có 3 tầng khay, các tầng đều có thanh lan can 4 phía cao 50±5mm. - Khay bằng inox tấm được dập liền tấm trên máy thủy lực, bốn góc khay trơn, nhẵn, không có khe, kẽ, được bo tròn, dễ vệ sinh, tiệt trùng; khay được hàn liền với khung xe chắc chắn. Chân khay được xử lý ép mép vừa làm tăng cứng vững cho sản phẩm vừa khử ba vĩa cạnh sắc. - Bốn bánh xe Ø 100 mm, cangk thép, trong đó 2 bánh có phanh - Sản phẩm chắc chắn, cân đối, không xiên lệch, cong vênh. - Các chi tiết được làm sạch hết ba vĩa, cạnh sắc. Mỗi hàn được mài nhẵn, mịn - Toàn bộ làm bằng inox SUS304 hoặc tương đương	Cái	3
217	51	Tủ Đầu giường	Cấu hình đồng bộ + Tủ chính: 01 cái. + Ngăn kéo: 01 cái 2. Đặc tính kỹ thuật: a. Kích thước (mm): (RxSxC): 400x350x900 ±3% b. Kết cấu chung: - Tủ bao gồm 3 khoang: + Khoang trên là ngăn kéo, trượt trên các ray bi trượt bi. + Khoang giữa dạng hộc kín 3 phía, hở phía trước. + Khoang dưới có cánh đóng mở, có khóa từ. - Nóc tủ có lan can dạng khung 3 phía, cao khoảng 50mm. - Lan can nóc tủ ống Ø12,7 uốn không nhẵn, không bẹp. - Ngăn kéo, cánh tủ đóng mở nhẹ nhàng. - Cánh có khóa từ, đóng mở bằng cơ cấu bán lẻ chìm làm tăng độ thẩm mỹ cho sản phẩm và thuận tiện cho việc vệ sinh lau chùi sản phẩm. - 4 chân có đệm cao su êm, nhẹ. c. Vật liệu: - Toàn bộ làm bằng inox SUS304. + Khung tủ làm bằng inox hộp 25x25 + Lan can: inox ống Ø12,7 + Nóc, mặt ngăn kéo: inox tấm dày được dập liền trên máy thủy lực. + Các tấm bụng, sàn, thân ngăn kéo: inox tấm dày được dập liền trên máy thủy lực. + Cánh tủ bằng inox tấm dày 0,4mm được viền cạnh xung quanh bằng inox hộp 10x20. + Chân đệm cao su đúc	Cái	25
218	52	Cáng vận chuyển người bệnh	- Xe chính: 01 cái - Mặt cangk: 01 cái - Cọc truyền: 01 cái; - Lan can: 02 bộ - Đệm mút: 01 cái - Bánh xe: 01 bộ - Kích thước cangk: D1900 x R540 x C120mm - Kích thước xe: D1950 x R650 mm. Chiều cao điều chỉnh từ 500-780 mm - Toàn bộ bằng inox SUS 304 hoặc tương đương - Sản phẩm mới 100%.		3
219	53	Vít khóa xương cứng 3.5mm, tự taro chất liệu titanium các cỡ	Vít khóa xương cứng đường kính 3.5mm, chất liệu titanium các cỡ	Cái	100
220	54	Vít xương cứng đường kính 3.5 mm, tự taro chất liệu titanium các cỡ	Vít xương cứng đường kính 3.5 mm, tự taro chất liệu titanium các cỡ	cái	20
221	55	Vít khóa xương cứng 5.0mm, tự taro chất liệu titanium các cỡ	Vít khóa xương cứng đường kính 5.0mm, chất liệu titanium các cỡ	Cái	50
222	56	Vít khóa xương xỏp chất liệu titanium đường kính 5.0 mm các cỡ	Vít khóa xương xỏp đường kính 5.0mm, ren toàn phần, chất liệu titanium các cỡ	Cái	30
223	57	Nẹp khóa xương đòn chất liệu titanium các cỡ	- Chất liệu titanium hoặc tương đương - Dày khoảng 3.4mm, rộng khoảng 10mm - Số lỗ 6/7/8 lỗ tương ứng độ dài khoảng 94/110/120 mm - Kết hợp lỗ khóa và lỗ thường giúp linh hoạt trong việc lựa chọn vít - Dùng vít khóa 3.5mm tự taro (khoảng 10mm đến 80mm) và vít xương cứng 3.5mm tự taro (khoảng 14mm đến 50mm.) - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	10

STT	STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu tính năng, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
224	58	Nẹp khóa xương đùi chất liệu titanium các cỡ	Nẹp khóa đầu trên xương đùi mặt bên: - Chất liệu titanium - Độ dày nẹp 5.6mm; độ rộng 18.5mm - Số lỗ: 5,7,9,11,13 - Dùng vít khóa 5.0mm tự taro và vít xương cứng 4.5mm tự taro Nẹp khóa đầu dưới xương đùi - Chất liệu titanium - độ dày 6.5mm; độ rộng 16.5mm - Số lỗ: 5,7,9,11,13 - Dùng vít khóa 5.0mm tự taro và vít xương cứng 4.5mm tự taro	Cái	5
225	59	Bộ đinh nội tủy đầu trên xương đùi loại chống xoay, chất liệu titanium, đường kính 9-12mm các cỡ	Bộ đinh nội tủy đầu trên xương đùi loại chống xoay, chất liệu titanium, đường kính 9-12mm. Bộ gồm 1 đinh, 1 vít chống xoay, 2 vít chốt khóa đầu dưới. Đinh nội tủy đầu trên xương đùi loại chống xoay: - Loại ngắn: Có 1 lỗ bắt vít chống xoay đầu trên và 1 lỗ bắt vít khóa đường kính 4.9mm đầu dưới, chiều dài từ ≤ 170 - ≥ 240 mm - Loại dài: Có 1 lỗ bắt vít chống xoay đầu trên và 1 lỗ bắt vít khóa đường kính 4.9mm, chiều dài từ ≤ 320 - ≥ 440 mm Vít chốt chống xoay cho đinh nội tủy đầu trên xương đùi, đường kính 10.5mm, chất liệu titanium, độ dài từ ≤ 70 - ≥ 120 mm, bước tăng 5mm Vít chốt khóa cho đinh nội tủy xương đùi loại chống xoay, đường kính 4.9mm chất liệu titanium, loại khóa nhanh, chiều dài từ ≤ 30 - ≥ 80 mm	Cái	5
226	60	Nẹp khóa chữ T dùng vít 3.5 mm chất liệu titanium các cỡ	- Chất liệu titanium hoặc tương đương - Độ dày khoảng 2mm, độ rộng khoảng 10mm - Số lỗ 3/4/5/6/7 lỗ tương ứng độ dài khoảng 50/59/67/76/85mm - Dùng vít khóa 3.5mm tự taro (khoảng 10mm đến 80mm) và vít xương cứng 3.5mm tự taro (khoảng 14mm đến 50mm.) - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Cái	5
227	61	Bộ nội soi làm sạch ổ khớp:	+ 01 Lưỡi cắt đốt bằng sóng radio frequency (RF) : Đường kính lưỡi cỡ 3,75mm, chiều dài 160mm hoặc hơn, góc cong 90 độ. + 01 Lưỡi bảo khớp đóng tiết trùng: Đường kính tối thiểu 4mm, 5mm, 5.5mm, chiều dài làm việc 13 cm. + 01 Dây dẫn nước cho nội soi chạy bằng máy: Có 2 đầu nước vào ra riêng biệt. Chiều dài 4.8m.	Bộ	5
228	62	Bộ vật tư phẫu thuật nội soi khớp gối tái tạo dây chằng chéo dùng kỹ thuật all inside	- 01 Lưỡi bảo khớp đóng tiết trùng: Đường kính tối thiểu 4mm, 5mm, 5.5mm, chiều dài làm việc 13 cm. - 01 Lưỡi cắt đốt bằng sóng radio frequency (RF) : Đường kính lưỡi cỡ 3,75mm, chiều dài 160mm hoặc hơn, góc cong 90 độ. - 01 Dây dẫn nước cho nội soi chạy bằng máy: Có 2 đầu nước vào ra riêng biệt. Chiều dài 4.8m. - 02 Vít treo tái tạo dây chằng : gồm 1 vòng dây, 2 sợi dây kéo chất liệu Polyethylene cao phân tử (UHMWPE) và 1 tấm titanium: kích thước chiều rộng 12mm (2 cái) - 01 Đầu mũi khoan có đường khắc laser xung quanh. Đường kính đầu mũi khoan: 3.5mm . Đường kính khoan đường hầm tối thiểu từ 5mm đến 13mm. - 01 Chỉ khâu gân siêu bền: Chất liệu bằng Polyethylene cao phân tử (UHMWPE). Chỉ liên kim 26,5mm hình dạng 1/2 vòng tròn. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Bộ	2
229	63	Bộ khớp háng bán phần không xi măng, góc cổ chậu 130, cổ côn 12/14	- Chỏm bán phần: Mặt ngoài bằng Cobalt Chrome hoặc tương đương; lớp lót PE. Đường kính ngoài từ 38mm đến 56mm, đường kính tối thiểu cỡ 22mm hoặc 28mm. - Chỏm xương đùi: chất liệu cobalt chrome ; có 4 size (+0, +3, +6, +9) đối với chỏm đường kính 22mm và 6 size (-3, +0, +2,5, +5, +7,5, +10) đối với chỏm đường kính 28mm. - Chuôi xương đùi: loại cổ định đầu gần, dạng nêm 2 chiều, chất liệu Titanium (Ti-6Al-4V), phun Titanium Plasma nhám. - Các cỡ từ #00 đến #14 tương ứng với độ rộng bề ngang thân chuôi : 22.8mm - 43.5mm. - Góc cổ thân 130 độ với đầu taper 12/14 có 2 sự lựa chọn offset thông thường (có 16 cỡ từ 00 - 14 dài từ 114mm -161mm) và offset dài (có 15 cỡ dài từ 0-14 dài từ 120-161 mm). Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Bộ	2
230	64	Bộ khớp háng bán phần chuôi dài không xi măng, góc cổ chậu 130, cổ côn 12/14	- Chỏm bán phần: Mặt ngoài bằng Cobalt Chrome hoặc tương đương; lớp lót PE. Đường kính ngoài từ 38mm đến 56mm, đường kính tối thiểu cỡ 22mm hoặc 28mm. - Chỏm xương đùi: chất liệu cobalt chrome ; có 4 size (+0, +3, +6, +9) đối với chỏm đường kính 22mm và 6 size (-3, +0, +2,5, +5, +7,5, +10) đối với chỏm đường kính 28mm. - Chuôi dài không xi măng: Vật liệu bằng hợp kim Titanium, dạng hình nêm 3 chiều, phun Titanium Plasma, góc cổ chậu 130 độ, cổ côn 12/14. Chuôi có 2 dạng: dạng thẳng có chiều dài 180mm với 7 cỡ đường kính đầu xa (từ 11mm - 18mm) và dạng cong có chiều dài 230mm, có 7 cỡ đường kính đầu xa (từ 11mm - 18mm) mỗi bên trái, phải. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương	Bộ	2
231	65	Dụng cụ khâu cắt mô trĩ	Dụng cụ cắt trĩ Longo sử dụng một lần 3 hàng ghim , đường kính ngoài 33.5mm, đường kính sau khi cắt: 23.1mm, số lượng ghim 48, chiều cao ghim 3.4mm, ghim chất liệu titan nguyên chất	Cái	10

STT	STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu tính năng, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
232	66	Máy điện châm	Máy chính: "vỏ nhựa KT: 220x170x75mm - Tần số xung động cơ bản từ 1.2Hz đến 55Hz (±30%) - Biên độ xung lớn nhất (tải 500 Ω là 35V) - Tần suất điều tiết đầu ra từ (11±3) lần/phút, tới (50±15) lần/phút - Dải điều khiển xung đầu ra từ 0V - 50V (sai số ±30%) Sóng đầu ra: - Sóng liên tục - Sóng thưa và dày - Sóng ngắt quãng - Sóng thần trầm - Sóng hô hấp - Đầu ra , 06 tổ - Hẹn giờ : 0-60 phút - Adapter 220v AC - 9v DC 01 bộ	Máy	20
233	67	Nẹp Mặt thẳng 4 lỗ bắc cầu tự tiêu RX	Độ dày 1.7mm; độ rộng 5.5mm, dài 25.7mm, chất liệu polymer phân hủy sinh học Poly (lactide-co-glycolide) (PLGA); đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương; sản phẩm đã được tiệt trùng và có thể sử dụng ngay sau khi bóc bao bì đóng gói.	Cái	5
234	68	Nẹp chữ L trái, phải 6 lỗ tự tiêu RX	Nẹp tự tiêu thẳng 6 lỗ dùng vít 2.0mm, độ dày 1.7mm; độ rộng 5.5mm, dài 35.5mm, chất liệu polymer phân hủy sinh học Poly (lactide-co-glycolide) (PLGA); đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương; sản phẩm đã được tiệt trùng và có thể sử dụng ngay sau khi bóc bao bì đóng gói.	Cái	5
235	69	Nẹp thẳng 8 lỗ tự tiêu RX	Nẹp tự tiêu thẳng 8 lỗ dùng vít 2.0mm, độ dày 1.7mm; độ rộng 5.5mm, dài 47.5mm,, chất liệu polymer phân hủy sinh học Poly (lactide-co-glycolide) (PLGA); đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương; sản phẩm đã được tiệt trùng và có thể sử dụng ngay sau khi bóc bao bì đóng gói.	Cái	4
236	70	Vít tự tiêu đường kính 2,1 mm sử dụng công nghệ bắt vít bằng sóng siêu âm các cỡ	ĐK mũ vít 3.5mm; chất liệu polymer phân hủy sinh học Poly (lactide-co-glycolide) (PLGA); đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương; sản phẩm đã được tiệt trùng và có thể sử dụng ngay sau khi bóc bao bì đóng gói.	Cái	82
237	71	Nẹp Micro 8 lỗ dùng vít 1,5mm	Nẹp sọ não thẳng 8 lỗ; màu xám, độ dày 0.5mm, chất liệu Titanium độ 2 TS-1-33 (tiêu chuẩn ASTM-F67); Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; FDA hoặc tương đương.	Cái	5
238	72	Vít Titanium tự khoan tự taro các cỡ đường kính 1,5 mm dùng đồng bộ với nẹp Micro 8 lỗ	Vít sọ não 1.5x 3/3.5/4/5/6/7mm - Tự khoan; màu xám, đầu mũ vít chữ thập, chất liệu hợp kim Titanium Ti-6Al-4V (tiêu chuẩn ASTM-F136); Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; FDA hoặc tương đương.	Cái	40
239	73	Nẹp hàm thẳng 6 lỗ dùng vít 2,3 mm	Nẹp hàm thẳng 6 lỗ dùng vít 2,3 mm, Độ dày nẹp 1.5mm, màu xám; chất liệu Titanium độ 3 TS-3-2 (tiêu chuẩn ASTM-F67); Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; FDA hoặc tương đương	Cái	5
240	74	Nẹp hàm thẳng 8 lỗ dùng vít 2,3 mm	Nẹp hàm thẳng 8 lỗ dùng vít 2,3 mm, Độ dày nẹp 1.5mm, màu xám; chất liệu Titanium độ 3 TS-3-2 (tiêu chuẩn ASTM-F67); Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; FDA hoặc tương đương	Cái	4
241	75	Nẹp hàm thẳng 4 lỗ, bắc cầu ngắn dùng vít 2,3mm	Nẹp hàm thẳng 4 lỗ, bắc cầu ngắn dùng vít 2,3mm, Độ dày nẹp 1.5mm, màu xám; chất liệu Titanium độ 3 TS-3-2 (tiêu chuẩn ASTM-F67); Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; FDA hoặc tương đương	Cái	4
242	76	Vít minititan hàm mặt 2,3 mm dùng đồng bộ với nẹp hàm thẳng, bắc cầu ngắn, các cỡ	Vít dài 5,6,7,9,11,13,15mm, màu xám, đầu mũ vít chữ thập, chất liệu hợp kim Titanium Ti-6Al-4V (tiêu chuẩn ASTM-F136); Đạt tiêu chuẩn ISO 13485; FDA hoặc tương đương	Cái	78
243	77	Kim tiêm nội soi	Kim tiêm cầm máu dùng một lần có vỏ ống ngoài bằng chất liệu PTFE tạo độ trơn, không gây xước hòng ống soi, kim được làm bằng thép không gỉ X5CrNi18-9; thiết kế đầu tip kim sắc giúp cắt chính xác, thiết kế tay cầm cơ thái học điều khiển dịch chuyển kim dễ dàng. ĐK ngoài catheter: 2.4 mm; ĐK ngoài kim: 21G/ 23G/ 25G, chiều dài kim: 4mm/ 6mm; đường kính kim: 0.8mm. CD làm việc các cỡ: 2300mm/ 2000mm/ 1800mm/ 1200mm; Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, EU Certificate hoặc tương đương.	Cái	5
244	78	Kim kẹp Clip nội soi dùng một lần	Hemoclip dùng một lần với thiết kế góc mở ngàm lớn, cho phép điều chỉnh đóng mở clip nhiều lần trước khi tiến hành thủ thuật; xoay được 360 độ, độ mở ngàm 12mm; Chiều dài ngàm: 4.6mm; CD làm việc các cỡ: 1650mm, 1950mm, 2300mm; đường kính ống ngoài: 2.6mm; độ mở 135 độ. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, FDA hoặc tương đương.	Cái	50
245	79	Ngáng miệng nội soi có dây	Chất liệu PP/PE cứng cáp. Có đa dạng các loại phù hợp với nhu cầu sử dụng: dùng cho người lớn/ trẻ em, có dây đeo, không có ống oxy. Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485 hoặc tương đương.	Cái	50

STT	STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu tính năng, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
246	80	Nẹp Mini	Nẹp thẳng dày 1.3 mm; nẹp rộng 4.6mm; dài 24.6mm và 26.6mm - Nẹp chữ T dày 1.3mm; nẹp rộng 12.6mm; dài 22.6mm và 26.6mm - Nẹp chữ L dày 1.3mm; nẹp rộng 9.6mm; dài 28.6mm và 30.9mm - Nẹp chữ Y dày 1.3mm; nẹp rộng 12.2mm; dài 28.6mm - Đồng bộ với vít khóa cùng hãng sản xuất Đạt chất lượng ISO13485; CE hoặc tương đương - chất liệu Titan Ti-6Al-4V, tiêu chuẩn ASTM F136	Cái	10
247	81	Vít Mini	Vít khóa tự taro đk 2.0mm - Mũi vít hình sao - Chiều dài: từ 8mm đến 34mm, mỗi cỡ tăng 2mm - Đạt chất lượng ISO13485; CE hoặc tương đương - chất liệu Titan Ti-6Al-4V, tiêu chuẩn ASTM F136	Cái	80
248	82	Bộ dụng cụ phẫu thuật mũi xoang	Yêu cầu chung Năm sản xuất: 2025 trở về sau, mới 100% Đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng sau: ISO 13485 ,EU-MDR hoặc tương đương Tất cả dụng cụ đồng bộ chính hãng Các dụng cụ được làm bằng thép không gỉ, trên dụng cụ có khắc mã số, logo hãng sản xuất, ma trận số (data matrix) Yêu cầu về thông số, kỹ thuật Kẹp phẫu thuật ROCHESTER-PEAN thẳng dài 18CM x 01 cái Kéo phẫu thuật mũi COTTLE, tù, dài 16.0CM x 01 cái Kéo phẫu thuật mũi HEYMANN, tù, dài 18.0CM x 01 cái Ống hút EICKEN-KILLIAN, đường kính 3mm, dài 130mm x 01 cái Nạo xoang Mackay, 2.5 x 5mm, dài 210mm x 01 cái Nạo xương HIBBS SPRATT, mũi cong, dài 22.5CM, Fig.3 x 01 cái Bẫy xương ALDERDYCE, dài 21CM x 01 cái Bẫy xương hai đầu MCDONALD, dài 19CM x 01 cái Bẫy xương hai đầu FREER, nhọn/tù, dài 18CM x 01 cái Kẹp mũi xoang Weil-Blakesley, mũi 3mm, 90°, chiều dài làm việc 12cm x 01 cái Kẹp mũi xoang Weil-Blakesley, mũi 3mm, 0°, chiều dài làm việc 17cm x 01 cái Kẹp mũi xoang Weil-Blakesley, mũi 3mm, 45°, chiều dài làm việc 17cm x 01 cái Kim cắt ngược mũi xoang, mũi hướng phải, 2.5x7mm, chiều dài làm việc 10cm x 01 cái Kẹp sinh thiết mũi xoang, ngàm khum Ø 3.0 MM, chiều dài làm việc 12CM x 01 cái Kẹp mũi xoang Weil-Blakesley, thẳng, chiều dài làm việc 12.5cm x 01 cái Kẹp mũi xoang Weil-Blakesley, cong lên, chiều dài làm việc 12.5cm x 01 cái Dao phẫu thuật xoang Freer "D", dài 150mm x 01 cái Bóc tách hai đầu COTTLE, dài 21cm x 01 cái Bóc tách hai đầu Masing, dài 21cm x 01 cái Bóc tách hai đầu KILLIAN, dài 22CM x 01 cái Móc Fomon, đầu cùn, dài 170mm x 01 cái Dao lưỡi liềm, dài 200mm x 01 cái Nạo Kuhn, cong 55°, dài 190mm x 01 cái Nạo Kuhn, cong 90°, dài 190mm x 01 cái Bẫy mũi Boies, dài 180mm x 01 cái Khay lưới kích thước 405X245X60mm x 01 cái Nắp hộp tiết trùng, có đục lỗ, kích thước 465X280MM x 01 cái	Bộ	1
249	83	Bộ bơm xi măng tạo hình thân đốt sống không bóng	Bộ hoàn chỉnh, các dụng cụ được đóng gói tiết trùng. Bao gồm: - 02 kim chọc dò cuống sống cán nhựa, có các thể lựa chọn loại 2.5mm, 3.0mm, 3.6mm hoặc 4.2mm - Bộ trộn kèm chức năng đẩy xi măng bao gồm : phễu được làm bằng acrylonitrile butadiene styrene (ABS). Xi lanh kèm tay cầm hình chữ T có ren dạng vận xoắn có khả năng điều chỉnh tốc độ bơm xi măng , ống nối có ren kết nối hai đầu , thanh khuấy có đường kính phù hợp với đường kính trong của ống nối và thanh khuấy lò xo . - Xi măng đóng tiết trùng gồm 24g bột + 10ml dung dịch pha	bộ	1
250	84	Bộ bơm xi măng tạo hình thân đốt sống có bóng, loại 1 bóng tiếp cận nhanh	Bộ hoàn chỉnh, các dụng cụ được đóng gói tiết trùng. Bao gồm: - Bộ dụng cụ tiếp cận nhanh giảm thời gian làm thủ thuật: + 02 kim chọc dò cuống sống có thể chọn theo các cỡ 8G đến 13G; có dạng đầu vát, đầu nhọn. + 01 kim chọc dò có tính năng khoan tay. Trên thân có vạch thước đo để đo độ sâu khi gắn kim; + 01 Bộ bóng nong kèm hệ thống bơm bóng với 02 đồng hồ đo áp lực dạng Analog: Bóng nong kích cỡ 10, 15 và 20 mm. - Bộ trộn xi măng kín gồm một ống lắc và một bì sắt ; - 3 kim đẩy xi măng cán nhựa có chia vạch và 4 xilanh 2.5ml. - Xi măng đóng tiết trùng gồm 24g bột + 10ml dung dịch pha	bộ	1

STT	STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu tính năng, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
251	85	Bộ bơm xi măng tạo hình thân đốt sống có bóng loại dùng 02 bóng nong	Bộ hoàn chỉnh, các dụng cụ được đóng gói tiệt trùng. Bao gồm: -02 Kim chọc dò cân chữ T, mũi vát 3 mặt. Vật liệu: thép không gỉ và nhựa y tế. Có 4 loại đường kính để lựa chọn đường kính 2.5mm;3.0mm ,3.6mm; và 4.2mm -01Kim khoan: Vật liệu: Thép không gỉ, nhựa y tế. Tối thiểu 2 kích cỡ đường kính: Ø3.0; Ø3.5 -04 Thanh đẩy xi măng: Vật liệu nhựa và thép không gỉ. . Tối thiểu 2 kích cỡ đường kính: Ø3.0; Ø3.5 - 02 Bóng nong: Bóng nong có tối thiểu 03 kích thước 10mm , 15mm và 26 mm. Chịu được áp suất lên đến 500psi. - 02 Bơm áp lực: Dạng cơ, có đồng hồ đo áp lực. Dung tích xi lanh có thể lựa chọn các loại : 20ml, 25ml hoặc 30ml áp suất tối đa: 30atm - Bộ trộn kèm chức năng đẩy xi măng bao gồm : phễu được làm bằng acrylonitrile butadiene styrene (ABS), xi lanh kèm tay cầm hình chữ T có ren dạng vặn xoắn có khả năng điều chỉnh tốc độ bơm xi măng , ống nối có ren kết nối hai đầu , thanh khuấy có đường kính phù hợp với đường kính trong của ống nối và thanh khuấy lò xo. - Xi măng sinh học có độ nhớt trung bình, đóng gói tiệt trùng gồm 24g bột + 10ml dung dịch pha	bộ	1
Tổng phần II:85 khoản					
Phần III: Vật tư y tế chuyên khoa tiết niệu					
252	1	Dây dẫn đường cho sonde JJ Hydrophilic	Chất liệu lõi Nitinol; phủ Hydrophilic; - Các cỡ: 0.032"; 0.035", dài 150cm. Tiêu chuẩn - Iso 13485 hoặc tương đương - FDA - Xuất xứ: G7	Cái	5
253	2	Dây dẫn đường cho sonde JJ PTFE	Các cỡ: 0.032", 0.035", dài 150 cm, - cấu tạo bằng thép không gỉ, thiết kế linh hoạt đầu cong hoặc đầu thẳng. Tiêu chuẩn - Iso 13485 hoặc tương đương - FDA - Xuất xứ: G7	Cái	5
254	3	Dây dẫn đường cho sonde JJ Zebra	Các cỡ: 0.032''- 0.035'', dài 150cm - Đầu thẳng, lõi Nitinol chống gấp khúc, đoạn đầu trên dài 65mm có phủ lớp hydrophilic, vỏ vằn đen vàng. Tiêu chuẩn - Iso 13485 hoặc tương đương - FDA - Xuất xứ: G7	Cái	5
255	4	Miếng tán sỏi qua da	Kích thước ≥45x 45cm, có phễu dẫn nước, thu hồi sỏi Chất liệu Polyurethane Tiêu chuẩn - Iso 13485 - FDA - Xuất xứ: G7		60
256	5	Bộ tán sỏi qua da	Bộ nong thận chuyên dùng cho tán sỏi qua da Quy cách: - 01 vỏ đỡ, kích thước 18Fr. -- 06 nong thận, các kích thước: 8Fr,10Fr,12Fr,14Fr,16Fr,18Fr -01 kim chọc dò: 18G/20cm. - 01 dây dẫn đường. - Iso 13485 - FDA - Xuất xứ: G7	Cái	60
257	6	Sonde JJ 3 tháng các số	Cỡ: 5Fr, 6Fr, 7Fr dài 26cm - Được làm bằng chất liệu Polyurethane, vỏ được phủ hydrophilic - Có phủ lớp hydrophilic trơn trong nước Tiêu chuẩn - Iso 13485 - FDA - Xuất xứ: G7	Cái	120

STT	STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu tính năng, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
258	7	Dụng cụ cắt bao quy đầu	Chiều dài: 128mm – 142mm; Đường kính ngoài: 22.6mm - 46mm; Đường kính trong: 16mm - 38mm Vỏ máy: Nhựa y tế. Ghim khâu và lưỡi dao được làm bằng thép không gỉ Có vòng silicone y tế. Tay cầm bằng kim loại nguyên chất, các cỡ, đặc biệt là có loại nhỏ dành riêng cho trẻ con, tích hợp núm điều chỉnh định vị, dao sau phẫu thuật sẽ tự động rút lại để tránh gây hại cho bác sĩ hoặc bệnh nhân Phụ kiện đi kèm: 1 thước đo size dùng 1 lần, 1 cuộn băng chun, chỉ y khoa. Tiêu chuẩn CE hoặc tương đương	Cái	20
259	8	Ống thông niệu quản dùng cho tán sỏi qua da	các cỡ; 6 Fr, 7Fr , dài: 70 cm± 5% chuyên dùng cho tán sỏi qua da, đoạn đầu trên 60 cm có phủ hydrophilic hoặc tương đương. - Iso 13485 - FDA - Xuất xứ: G7		10
260	9	Rọ bắt sỏi (làm tán sỏi ngược dòng)	Kích cỡ: 3.0Fr, chiều dài ≥90cm. Loại 4 cạnh, đầu xoắn, chất liệu Nitinol - Iso 13485 - FDA - Xuất xứ: G7	Bộ	5
261	10	(Giá đỡ ống soi mềm) Vỏ đỡ niệu quản cho ống kính nội soi mềm	Cấu tạo gồm nòng trong và nòng ngoài - Các cỡ: Nòng trong 10Fr, 11Fr, 12Fr nòng ngoài 12Fr, 13Fr, 14Fr - Chiều dài: 35 cm, 45 cm - Lõi thép bên trong Lớp vỏ ngoài phủ hydrophilic - Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, FDA hoặc tương đương - Xuất xứ: G7	Cái	3
262	11	Rọ bắt sỏi (làm tán sỏi bằng nội soi ống mềm)	Kích cỡ: 1.8Fr, chiều dài 120cm. Loại 4 cạnh, đầu tròn Chất liệu Nitinol - Iso 13485 hoặc tương đương - FDA - Xuất xứ: G7	Cái	2
263	12	Ống kính nội soi mềm tiết niệu	Đường kính kênh làm việc: 3.6Fr Đường kính ống soi: 8.4Fr; 7.5Fr Góc uốn: lên & xuống 275° Chiều dài làm việc (phần chèn): 670mm CMOS: 400x400 pixel = độ phân giải 160.000 pixel Hệ thống chiếu sáng: 2 đèn LED Trường nhìn: 110°±10% Đầu xa kính thon Chức năng khóa có 2 cách tùy chỉnh: trạng thái tự do hoặc trạng thái khóa để điều khiển đòn bẩy chính xác và giảm mỗi ngón tay cái. Nút chụp Ảnh & Video trên tay cầm của kính: cũng có thể chụp ảnh, quay video	Cái	6
			Tổng phần III: 12 khoản		
			Phần IV: Sinh phẩm y tế		
264	1	Test nhanh HBsAg	Phát hiện kháng nguyên HBsAg trong huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần của người Đạt tiêu chuẩn ISO13485:2016 hoặc tương đương - Mẫu phẩm huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần - Độ nhạy: ≥ 99.9% , Độ đặc hiệu: ≥ 99.88% - Thành phần Kit thử: - Vùng cộng hợp IgG chuột kháng HBsAg-04 (0.16 µg) - Vạch kết quả: IgG chuột kháng HBsAg-B20 (0.20 µg) - Vạch chứng IgG dê kháng chuột (0.20 µg) - Bảo quản ở nhiệt độ thường - Ngưỡng phát hiện 1ng/ml	Test	4.600
265	2	Test nhanh HIV 1/2/0	Phát hiện sự có mặt của các kháng thể kháng HIV-1 và HIV-2 trong máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương người Đạt tiêu chuẩn ISO13485:2016 hoặc tương đương - Mẫu phẩm: Huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần - Độ nhạy: ≥99.59%, Độ đặc hiệu: ≥99.87% - Thành phần Kit thử: Cộng hợp vàng HIV-Ag tái tổ hợp. - Vạch kết quả Anti-human IgG-Fc Mcab. - Nằm trong khuyến cáo xét nghiệm khẳng định HIV của viện Vệ sinh dịch tễ TW năm 2020 - Bảo quản ở nhiệt độ thường	Test	4.000

STT	STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu tính năng, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
266	3	Test nhanh Syphilis	Khay thử xét nghiệm sắc ký miễn dịch kỹ thuật màng, định tính phát hiện các kháng thể (IgG và IgM) kháng <i>Treponema Pallidum</i> (TP) trong huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần người. Thành phần: Vùng cộng hợp: Kháng nguyên tái tổ hợp giang mai 2 - 0.0079µg; Vạch thử (T): Kháng nguyên tái tổ hợp giang mai 1 - 0.44µg; Vạch chứng (C): Kháng thể đề kháng IgG thô - 0.58µg. - Độ nhạy tương quan: 100% - Độ đặc hiệu tương quan: 99,1% - Độ chính xác tương quan: 99,4% - Độ chính xác ngẫu nhiên lặp: >99% Ổng chống đông máu như heparin, EDTA và sodium citrate không ảnh hưởng đến kết quả xét nghiệm. Đọc kết quả ở phút thứ 10	Test	1.200
267	4	Test nhanh Dengue NS1 kháng nguyên	Khay thử Xét nghiệm sắc ký miễn dịch, định tính phát hiện kháng nguyên Dengue NS1 của cả bốn loại huyết thanh (DEN-1, DEN-2, DEN-3 và DEN-4) trong huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần. Thành phần: - Vùng cộng hợp: cộng hợp kháng thể kháng kháng nguyên Dengue NS1 0,24ug gắn với hạt vàng, cộng hợp kháng thể kiểm chứng 0,16ug gắn với hạt vàng - Vạch kết quả: kháng thể kháng kháng nguyên Dengue NS1 0,528ug - Vạch chứng: kháng thể kiểm chứng 0,44ug Lượng mẫu sử dụng: 10 µl Ô nhận mẫu (S) và ô nhận dung dịch đệm (B) được thiết kế riêng để tăng hiệu quả xét nghiệm Độ nhạy tương quan: ≥99,1%. Độ đặc hiệu tương quan: ≥ 99,5% Độ chính xác tương quan: ≥ 99,4% Độ chính xác ngẫu nhiên lặp: >99% Đọc kết quả ở phút thứ 15	Test	3.075
268	5	Test nhanh Influenza A/B	Khay thử xét nghiệm sắc ký miễn dịch, định tính phát hiện và phân biệt kháng nguyên vi rút cúm A và cúm B từ dịch mũi, dịch hầu họng và dịch tỵ hầu Ngưỡng phát hiện(LoD). Cúm A: 6,88*10² TCID50/mL. Cúm B: 1,88*10² TCID50/mL Hiệu quả chẩn đoán Cúm A: - Độ nhạy tương quan: 100%. - Độ đặc hiệu tương quan: ≥99,22% - Độ chính xác tương quan: ≥99,38% Hiệu quả chẩn đoán Cúm B: - Độ nhạy tương quan: 100%. - Độ đặc hiệu tương quan: ≥99,61% - Độ chính xác tương quan: ≥99,67% Độ chính xác ngẫu nhiên lặp: ≥ 99% Que mẫu chứng âm và que mẫu chứng dương được cấp kèm theo mỗi hộp xét nghiệm để kiểm soát chất lượng sản phẩm Không phản ứng chéo với: coronavirus-229E, coronavirus-NL63, coronavirus-OC43, coronavirus-HKU1, parainfluenza, Enterovirus, Streptococcus pneumoniae, Mycoplasma pneumoniae, MERS-coronavirus, SARS-coronavirus, virus adenovirus và virus hợp bào hô hấp ở người. Đọc kết quả ở phút thứ 15	Test	6.500
269	6	Test nhanh SARS-CoV-2	Khay thử định tính phát hiện kháng nguyên protein nucleocapsid từ SARS-CoV-2 trong mẫu ngoáy dịch tỵ hầu của người. - Độ nhạy tương quan: ≥97,6% - Độ đặc hiệu tương quan: ≥99,5% - Độ chính xác tương quan: ≥99,1% Que chứng âm, chứng dương được cung cấp kèm theo mỗi hộp để kiểm tra sự chính xác của sản phẩm Ngưỡng phát hiện(LoD) 1,6*10² TCID50/mL. Phát hiện được những biến chủng của SARS-CoV-2 : BA.2.86, BA.2.86.1, XBB.1.16.6, JN.1 (BA.2.86.1.1) Không bị lây nhiễm chéo bởi Virus RSV và Rhino ở nồng độ 3,15*10⁵ TCID50/mL Kết quả thử nghiệm trên bộ mẫu chuẩn của NICVB : Độ nhạy 100%, độ đặc hiệu 100% Kết quả thử nghiệm của FIND (Thụy Sĩ) với phương pháp PCR, Ct ≤ 25 : độ nhạy 100%	Test	3.600
270	7	Test nhanh Rota virut	Định tính phát hiện kháng nguyên vi rút Rota trong mẫu phân của người. - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, chứng chỉ xuất khẩu FDA, đáp ứng chỉ thị 98/79/EC hoặc tương đương - Độ nhạy tương quan: 100%; Độ đặc hiệu tương quan: 97,2% Khay bao gồm: 1. Vùng cộng hợp được phủ sẵn cộng hợp vàng kháng thể đơn dòng kháng vi rút Rota (cộng hợp kháng vi rút Rota) và cộng hợp vàng kháng thể kiểm soát . 2. Vạch kết quả (vạch T) và một vạch chứng (vạch C). Vạch T phủ sẵn kháng thể đơn dòng kháng vi rút Rota và vạch chứng C phủ sẵn kháng thể để kiểm chứng. - Bảo quản nhiệt độ thường	Test	500
271	8	Test nhanh RSV	Khay thử xét nghiệm định tính phát hiện kháng nguyên vi rút hợp bào hô hấp (RSV) trong mẫu dịch mũi, dịch tỵ hầu và dịch hầu họng của người . Ngưỡng phát hiện(LoD): 1,58*10² TCID50/mL Hiệu quả chẩn đoán đối với mẫu dịch tỵ hầu: - Độ nhạy tương quan: ≥ 99,8% - Độ đặc hiệu tương quan: ≥99,8% - Độ chính xác tương quan: ≥99,8% - Độ chụm ngẫu nhiên và độ chụm ngẫu nhiên lặp >99% Không phản ứng chéo với: Virus Á cúm typ 1, 2, 3 và 4, Virus Sars-CoV-2, Virus Corona-NL63, MERS-coronavirus, Mycoplasma pneumoniae, Pneumocystis jirovecii-S.cerevisiae và Chlamydia trachomatis Không bị gây nhiễu bởi: thuốc xịt mũi Dafenlin Oxymetazoline Hydrochloride, thuốc xịt mũi Mometasone Furoate, Fluticasone Propionate, nước muối biển rửa mũi với nồng độ nhất định Đọc kết quả ở phút thứ 15 Đạt tiêu chuẩn CE hoặc tương đương	Test	1.250

STT	STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu tính năng, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
272	9	Que thử nước tiểu 10 thông số	Các chỉ số đo: Glucose, Bilirubin, Ketone, pH, Blood, Protein, Nitrite, Urobilinogen, Leukocyte, SG. - Dải đo của các chỉ số: Protein: 15-30mg/dL albumin; Blood: 0.015-0.062mg/dL hemoglobin; Leukocyte: 5-15; Nitrite: 0.06-0.1mg/dL nitrite ion; Glucose: 75-125mg/dL Ketone: 5-10mg/dL acetoacetic acid; pH: 4.6- 8.0; SG: 1.001-1.035; Bilirubin: 0.4-0.8mg/dL; Urobilinogen: 0.2EU/dL - Trên thanh thử có miếng dán (ID band) có tác dụng kích hoạt kiểm tra tự động	Test	41.000
273	10	Test ma túy 4 chân	Là xét nghiệm miễn dịch cạnh tranh, nhanh chóng, định tính phát hiện các chất gây nghiện (Drug-of-Abuse-DOA) và/ hoặc các chất chuyển hóa của chúng trong nước tiểu người. - Đạt tiêu chuẩn ISO13485:2016, đáp ứng chỉ thị 98/79/EC hoặc tương đương - Ngưỡng phát hiện (cut-off), AMP: 500 ng/ml ; MET: 500 ng/ml ; OPIATES Morphin): 300 ng/ml ; THC: 50 ng/ml - Độ nhạy: MET : 100% ; OPI : 100%; THC : 99.12% ; AMP: 100% - Độ đặc hiệu: MET : 100% ; OPI : 100%; THC : 99.53% ; AMP: 100% - Thời gian đọc kết quả trong vòng 3-8 phút , không đọc kết quả sau 8 phút ; - Các chất gây nhiễu không gây ảnh hưởng đến kết quả xét nghiệm: Glucose (2000 mg/dl) ; Human Albumin (2000 mg/dl) ; Hemoglobin (10 mg/dl) ; Uric acid (10 mg/dl), Urea (4000 mg/dl) , Billrubin (2	Test	1.000
274	11	Test nhanh HBeAg	Phát hiện HBeAg trong máu toàn phần, huyết thanh hoặc huyết tương của người. Đạt tiêu chuẩn ISO13485:2016 hoặc tương đương - Mẫu phẩm: Huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần - Độ nhạy: 96.2% ; Độ đặc hiệu: 99.4% ; Khoảng tin cậy: 95% - Thành phần Kit thử: Vùng cộng hợp: Kháng thể đơn dòng kháng HBe (0,16 µg); - Vạch kết quả : Kháng thể đơn dòng kháng HBe (0,2 µg); Vạch chứng: Kháng thể đa dòng dê kháng chuột (0,88 µg) - Bảo quản ở nhiệt độ thường	Test	200
275	12	Test nhanh EV71	Đạt tiêu chuẩn ISO 13485 hoặc tương đương - Định tính phát hiện kháng thể IgM kháng EV71 - Mẫu phẩm: Huyết thanh, huyết tương, máu toàn phần. Độ nhạy: ≥96.8% Độ đặc hiệu: ≥99.4% - Không phản ứng chéo với HBV-IgM, HIV-IgG, HCV-IgG	Test	300
276	13	Test HBA1C dùng cho máy CLOVER	Sử dụng phương pháp đo quang bằng độ phản xạ khuếch tán của cảm biến quang bao gồm LED(Diode phát sáng) và PD (Diode ánh). Loại mẫu: mao mạch toàn phần, tĩnh mạch toàn phần với chất chống đông máu Phạm vi đo: 20~130 mmol / mol(IFCC),4.0~14.0%(NGSP) Nhiệt độ bảo quản: Khay thử: 2~32°C(36~90°F) (nhiệt độ thường). Lượng mẫu : 4mL, thời gian đo sau 5 phút. Thành phần khay thử: CM Sepharose™ chảy nhanh: 18% (v/v). Muối 3-Aminobenzenboronic acid hemisulfate: 32mM. + Đệm (HEPES): 100 mM. - Độ chính xác trung gian CV% <3%.	Test	1.500
277	14	HCV Rapid Test Cassette (Serum/Plasma/Whole Blood)	Khay thử xét nghiệm miễn dịch định tính, kỹ thuật màng và kháng nguyên kép để phát hiện các kháng thể kháng HCV trong huyết thanh, huyết tương hoặc máu toàn phần. Các kháng nguyên tái tổ hợp được mã hóa bởi các gen cho cả protein cấu trúc (nucleocapsid) và không cấu trúc. Thành phần chứa hạt phủ kháng nguyên HCV tái tổ hợp bao gồm NS3, NS4, NS5, CORE và kháng nguyên HCV bao gồm NS3, NS4, NS5 và CORE được phủ trên màng. - Vùng cộng hợp: Kháng nguyên HCV tái tổ hợp 2 0.73 µg. Vạch kết quả(T): Kháng nguyên HCV tái tổ hợp 1 0.31 µg. Vạch chứng(C): Kháng thể dê kháng thể IgG 0.41 µg Hiệu quả chẩn đoán so với phương pháp HCV EIA: - Độ nhạy tương quan: 100% - Độ đặc hiệu tương quan: ≥99.4% - Độ chính xác tương quan: ≥99.6% - Độ chính xác ngẫu nhiên lặp: ≥ 99% Quy cách đóng gói: 40 Test/Hộp Không lây nhiễm chéo bởi: Virus gây suy giảm miễn dịch ở người, Virus Herpes simplex-2 IgM, Kháng insulin, Yếu tố dạng thấp Không bị gây nhiễu bởi các chất sau ở nồng độ tương ứng: Acetaminophen 20mg/dl, Sulfamethoxazole 40mg/dl, Ibuprofen 50mg/dl Đọc kết quả ở phút thứ 10	Test	1.200
278	15	Test nhanh Adeno	Khay thử xét nghiệm định tính phát hiện kháng nguyên vi rút Adeno trong mẫu dịch mũi, dịch ty hầu và dịch hầu họng của người . Ngưỡng phát hiện(LoD): 4,35*10 ⁴ TCID50/mL Hiệu quả chẩn đoán đối với mẫu dịch ty hầu: - Độ nhạy tương quan: ≥ 99,5%. - Độ đặc hiệu tương quan: ≥ 99,7%. - Độ chính xác tương quan: ≥ 99,8%. - Độ chụm ngẫu nhiên và độ chụm ngẫu nhiên lặp >99% Không phản ứng chéo với: Virus Á cúm tuyp 1, 2, và 4, Virus Sars-CoV-2, MERS-coronavirus Đọc kết quả ở phút thứ 15	Test	1.250

STT	STT	Tên hàng hóa	Yêu cầu tính năng, thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
279	16	Test nhanh HCG	Phát hiện định tính sự có mặt của hCG trong nước tiểu giúp cho việc chẩn đoán phát hiện thai sớm. Mẫu bệnh phẩm: Nước tiểu. - Độ nhạy: 100%. - Độ đặc hiệu: $\geq 99,5\%$. - Độ chính xác: $\geq 99,75\%$ - Ngưỡng phát hiện: 25mIU/ml. - Độ lặp lại: 100%. - Độ ổn định: 100%	Test	700
280	17	Que test đường máu mao mạch	Test nhanh đường huyết dùng được trong các cơ sở y tế, cho độ chính xác: 100% kết quả đo nằm trong vòng sai số ± 10 mg/dL với Pp chuẩn ở nồng độ <100 mg/dL hoặc 5.55 mmol/L 100% kết quả đo nằm trong vòng sai số $\pm 15\%$ với Pp chuẩn ở nồng độ ≥ 100 mg/dL hoặc 5.55 mmol - Phạm vi đo Glucose là 10 - 600 mg/dL, hoặc 0,6 - 33,3mmol/L - Giới hạn hematocrite là 10 - 65%, - Đo được 4 loại máu (mao mạch, tĩnh mạch, động mạch, máu trẻ sơ sinh), - Thời gian đo <4 giây, Mẫu máu đo 0.6 μ L. - Sử dụng men thử FAD-GDH không bị ảnh hưởng bởi Oxy, đường Maltose. - Đạt tiêu chuẩn ISO 15197:2013 / EN ISO 15197:2015 hoặc tương đương	Test	42.000
			Tổng phần IV: 17 khoản		
			Tổng 4 phần: I+II+III+IV: 280 khoản		